

Số: 117 /NQ-PBHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua chương trình, tài liệu phiên họp thường niên năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần (PVFCCo);
- Xét báo cáo và đề nghị của Ban Tổ chức ĐHĐCD theo văn bản số 01/BC-BTC ngày 23/04/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chương trình nghị sự và dự thảo tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP theo nội dung đính kèm báo cáo số 01/BC-BTC ngày 23/04/2021 của Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông, gồm các nội dung như sau:

1. Chương trình nghị sự phiên họp;
2. Nội quy, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị và hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020;
4. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2021;
5. Báo cáo tài chính năm 2020;
6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Dự kiến Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;
7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020;
8. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021;
9. Báo cáo về thực hiện quỹ lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và dự toán năm 2021;
10. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
11. Báo cáo tổng hợp danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT và BKS;
12. Tờ trình thông qua các dự thảo Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.



Điều 2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT; Ban TGĐ; BKS;
- Ban: VPTCT, KH-ĐT, TCNS&ĐT, TMPC, TCKT, NCPT-TT
- Lưu: VT, VPHĐQT (TTV).

7c

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỦ TỊCH



Tiền Vinh



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(Thông qua theo Nghị quyết số 117/NQ-PBHC ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị)

MỤC LỤC

PHẦN 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU	3
PHẦN 2 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
PHẦN 3 – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021	19
PHẦN 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020	23
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	23
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	33
PHẦN 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	43
PHẦN 6 - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN	45
PHẦN 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021	50
PHẦN 8 – TỜ TRÌNH VỀ VIỆC MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BÁO CÁO CÔNG TÁC BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	52
TỜ TRÌNH V/V: MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	52
HƯỚNG DẪN BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT	53
BÁO CÁO TỔNG HỢP DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT	58
THÔNG TIN TRÍCH NGANG LÝ LỊCH ỨNG CỬ VIÊN	59
PHẦN 9 – TỜ TRÌNH THÔNG QUA CÁC DỰ THẢO VĂN BẢN	61
TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	61
DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY	62
DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY	95
DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	110
TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT	121
DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	122
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	130

DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
 Ngày 27/04/2021

Thời gian	Nội dung	Thời lượng
8h30 - 8h50	Đón tiếp đại biểu và quý cổ đông	20 phút
8h50 - 9h00	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	10 phút
9h00 - 9h03	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông	3 phút
9h03 - 9h10	Thông báo nội quy cuộc họp Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp	7 phút
9h10 - 9h20	Chào mừng quý cổ đông và khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông qua Chương trình nghị sự của cuộc họp. Thông qua Ban kiểm phiếu.	10 phút
9h20 - 9h35	Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động HĐQT của TCT năm 2020; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	15 phút
9h35 - 9h40	Báo cáo tài chính năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận 2020, kế hoạch phân phối lợi nhuận 2021	5 phút
9h40 - 9h50	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	10 phút
9h50 - 9h55	Báo cáo về thực hiện quỹ lương, thưởng, thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán 2021	5 phút
9h55 - 10h15	Miễn nhiệm và bầu cử TV HĐQT, TV BKS: - Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT - Công bố danh sách ứng cử viên vào HĐQT, BKS - Ban Tổ chức (thông qua Ban kiểm phiếu) hướng dẫn thực hiện việc bầu cử - ĐHĐCĐ bỏ phiếu bầu TV HĐQT và TV BKS	20 phút
10h15 - 10h30	Giải lao	15 phút
10h30 - 10h45	Tờ trình về các Dự thảo Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị TCT, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.	15 phút
10h45 - 11h10	Đại hội thảo luận, phát biểu ý kiến	25 phút
11h10 - 11h15	Cổ đông hoàn tất phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu	05 phút
11h15 - 11h25	Đại hội tiếp tục thảo luận	10 phút
11h25 - 11h35	Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả bầu cử HĐQT, BKS và kết quả biểu quyết thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ	10 phút
11h35 - 11h45	Thư ký báo cáo dự thảo Biên bản, Nghị quyết đại hội, Chủ tọa điều hành đề Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết và tuyên bố bế mạc cuộc họp.	10 phút

Phần 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU

Bản Nội quy cuộc họp và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên & bất thường của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần với các mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp.

I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón. Chỉ những cổ đông của Tổng công ty và khách mời chính thức khác của Tổng công ty mới được phép vào phòng họp.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành ngay.

1. **Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
2. **Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội phát biểu khai mạc cuộc họp.**
3. **Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu.**
ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay/giơ thẻ biểu quyết.
4. **Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.**
Theo nội dung chương trình nghị sự được thông qua.
5. **Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi Ban lãnh đạo Tổng công ty báo cáo cuộc họp ĐHCĐ các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của ĐHCĐ và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày hoặc theo sự điều khiển hợp lý của Chủ tọa.
- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại cuộc họp cần điền nội dung câu hỏi vào Phiếu ý kiến (do ban tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông cung cấp), gửi cho Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu cuộc họp được Tổng công ty đăng tải trên website, đề nghị cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị câu hỏi, gửi trước cho ban tổ chức đại hội.
- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông. Chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn thì Đoàn chủ tịch sẽ tổng hợp và trả lời chung.

- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Tổng công ty.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP:

1. Nguyên tắc:

Theo Quy chế nội bộ về quản trị đã được ĐHĐCĐ thông qua, các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng hình thức giơ tay hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện tùy theo tính chất vấn đề xin ý kiến. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết, (có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin)

2. Cách biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

Riêng trong trường hợp có bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (HĐQT/BKS), cổ đông điền Phiếu bầu cử theo quy định và hướng dẫn tại Quy chế bầu cử HĐQT/BKS.

3. Thời điểm biểu quyết:

Theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết/chuyển Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức.

4. Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm phiếu bầu HĐQT, BKS, kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, tờ trình của phiên họp ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
3. Soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết, quy chế bầu cử HĐQT, BKS.

2. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử và kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
3. Nhanh chóng thông báo cho Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký kết quả bầu cử, biểu quyết.
4. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là Nội quy cuộc họp và Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí./.

Phần 2 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2020

1. Tổng quan

Năm 2020 trước tình hình khó khăn vì đại dịch COVID-19 trên toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng, với các chỉ tiêu kinh tế khá tích cực.

Trong lĩnh vực phân bón tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt; Ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu thụ phân bón trong năm 2020 và tiếp tục gặp khó bởi dịch bệnh; Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tiếp tục chiếm phần đáng kể trong chi phí sản xuất. Tuy nhiên nguồn cung phân bón nhập khẩu giảm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước tăng xuất khẩu phân bón. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể cán bộ, công nhân viên, Tổng công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.

2. Những kết quả đạt được:

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2020 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ, trong năm 2020, Tổng công ty đã tập trung vào quản trị chi phí, tài sản và nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Tổng công ty đã xuất khẩu hơn 70 ngàn tấn ure.

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất Ure trước 36 ngày. Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học trong năm 2020 đã sản xuất được gần 115 ngàn tấn NPK, sản lượng kinh doanh đạt gần 95 ngàn tấn.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2020 tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001 - 2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Sig Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM..., bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen, kết thúc năm tài chính 2020, Tổng công ty đạt được kết quả SXKD như sau:

2.1. Các chỉ tiêu chính đạt được

a. Sản lượng sản xuất:

- Urê Phú Mỹ: 865.905 tấn, đạt 110% KH năm 2020, tăng 22% so với năm 2019.
- UFC85: 13.498 tấn - đạt 104% KH năm 2020, tăng 15% so với năm 2019.

- NPK Phú Mỹ: 114.923 tấn - đạt 64% KH năm 2020, tăng 36% so với năm 2019. Sản xuất không đạt KH năm, do phụ thuộc theo tình hình tiêu thụ của thị trường và dừng máy để bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị gầu nâng 70EL2001/2/3/4.
- NH3 (sản lượng bán thương mại): 73.591 tấn - đạt 127% KH năm 2020, tăng 20% so với năm 2019.

a. Sản lượng kinh doanh:

- Urê Phú Mỹ: 826.763 tấn - đạt 106% KH năm 2020, tăng 20% so với năm 2019.
- NPK Phú Mỹ: 94.488 tấn - đạt 52% KH năm 2020, tăng 23% so với năm 2019.
- Phân bón khác: 178.970 tấn - đạt 95% KH năm 2020, giảm 14% so với năm 2019.

Một số khó khăn chính trong kinh doanh phân bón năm 2020:

- + Tình hình hạn hán, xâm nhập mặn nặng nề và đến sớm, cùng với lũ lụt phức tạp đã làm thiệt hại các diện tích trồng lúa, cây trồng làm giảm nhu cầu tiêu thụ phân bón.
- + Dịch Covid-19 khiến hoạt động xuất khẩu nông sản bị đình trệ, gián tiếp làm giảm nhu cầu đầu tư phân bón cho cây trồng.
- + Tồn kho phân bón cuối năm 2019 trên thị trường cao, chuyển sang năm 2020 tác động trực tiếp đến tiêu thụ phân bón của TCT.
- + Sản phẩm NPK cần thời gian để (i) hoàn thiện và (ii) có được thị trường rộng hơn.
- NH3: 67.774 tấn - đạt 123% KH năm 2020, tăng 15% so với năm 2019.
- UFC85: 9.597 tấn - đạt 107% KH năm 2020, tăng 14% so với năm 2019.
- CO2: 54.309 tấn - đạt 109% KH năm 2020, tăng 6% so với năm 2019.
- Hóa chất khác: 669 tấn - đạt 84% KH năm 2020, giảm 59% so với năm 2019. *KD đạt thấp do thị trường hóa phẩm dầu khí rất khó khăn, giá dầu trong năm có thời điểm xuống thấp kỷ lục, các đơn vị khai thác dầu khí đã giảm tối đa lượng khai thác dẫn đến lượng hóa chất các đơn vị này mua cũng giảm tương ứng.*

b. Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu hợp nhất: 8.038 tỷ đồng - đạt 87% KH năm 2020, tăng 3% so với năm 2019.

Doanh thu không đạt KH chủ yếu do sản lượng phân bón NPK PM và phân bón khác không đạt KH như đã nêu trên; giá bán các loại phân bón giảm so với KH-giá Urê giảm 15%, giá phân bón khác giảm 5% so với KH - khiến doanh thu các mặt hàng này không đạt KH, cụ thể DT Urê Phú Mỹ đạt 90%, DT NPK đạt 53%, DT phân bón khác đạt 90% KH năm; bên cạnh đó, doanh thu mặt hàng UFC 85 và Hóa chất dầu khí không đạt KH cũng góp phần làm tổng DT năm 2020 không đạt KH.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 848 tỷ đồng- đạt 165% KH năm 2020, tăng 82% so với năm 2019.

Doanh thu không đạt KH nhưng lợi nhuận vượt KH năm 2020 do công ty tối ưu được chi phí quản lý bán hàng; tiết kiệm định mức năng lượng so với kế hoạch làm giá thành sản phẩm sản xuất chính giảm từ 3-15%.

2.2. Công tác quản lý sản xuất:

- Công tác quản lý sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ:
 - Áp dụng hiệu quả các bộ định mức tiêu hao, dự phòng vật tư tối thiểu trong sản xuất. Các tiêu hao hóa chất và năng lượng trong định mức đã ban hành; thường xuyên theo dõi và đánh giá các bộ định mức để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình sản xuất thực tế của Nhà máy.
 - Tiếp tục thực hiện các biện pháp để cải tiến và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

- Chất lượng sản phẩm Urê, UFC85 sản xuất đảm bảo đạt tiêu chuẩn công bố
- Công tác triển khai thực hiện và hoàn thành chuẩn hóa dữ liệu thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế (Shell Mesc): Hoàn thành báo cáo chi tiết hiệu quả sử dụng phần mềm Shell-Mesc tại NM ĐPM. Hoàn thành thực hiện triển khai gói mua sắm thuê dịch vụ thực hiện điều chỉnh tích hợp đồng bộ từ eCAT sang ERP. Đang thực hiện Chuẩn hóa ID trên Ecat~40%.

2.3. Hoạt động quản lý kinh doanh:

Trước tình hình thị trường phân bón thế giới biến động khó lường, thị trường phân bón trong nước cạnh tranh cao, tác động tiêu cực từ dịch bệnh và biến đổi khí hậu, công tác tổ chức kinh doanh của PVFCCo tập trung vào nhiệm vụ giữ vững thị phần, phát triển kinh doanh sản phẩm phân bón mới, phát triển KD hóa chất, khẳng định chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường xuất khẩu, thể hiện cụ thể ở các điểm sau:

- Công tác thông tin dự báo thị trường: Thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường trong và ngoài nước; tổ chức hệ thống thông tin thông suốt từ Tổng công ty đến từng cán bộ kinh doanh. Việc cập nhật tin tức kịp thời giúp Tổng công ty đưa ra những quyết định phù hợp trong công tác chuẩn bị nguồn hàng và xây dựng giá bán sát giá thị trường.
 - Tổ chức/phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề: Nhằm cập nhật, trao đổi thông tin và huy động trí tuệ tập thể trong quản lý hoạt động kinh doanh, PVFCCo cũng đã tổ chức/phối hợp tổ chức/tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo về công tác kinh doanh, thương hiệu, thông tin thị trường.... Kết quả các hội nghị, hội thảo đã góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo và trong việc tìm kiếm cơ hội hợp tác ở thị trường trong và ngoài nước, là cơ sở giúp Tổng Công ty hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh.
 - Hệ thống phân phối: Công tác quản lý hệ thống phân phối tiếp tục được tăng cường và hoàn thiện. Thường xuyên rà soát, đánh giá để phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuyên suốt từ đại lý cấp 1/nhà phân phối - cửa hàng, lựa chọn hợp tác/ đàm phán hợp tác với các Đại lý/Nhà phân phối có tiềm lực về tài chính và kinh nghiệm và năng lực tiêu thụ tốt, sẵn sàng phát triển thị trường cho các sản phẩm phân bón của TCT và song hành với TCT trong cả những giai đoạn thị trường khó khăn.
 - Chất lượng sản phẩm Phú Mỹ tiếp tục được khẳng định: Phân bón Phú Mỹ lần thứ 17 được vinh danh là Hàng Việt Nam Chất lượng cao; Đạm Phú Mỹ tiếp tục lọt vào Top 50 thương hiệu dẫn đầu năm 2020 của Forbes Vietnam; Thương hiệu Quốc gia lần 4, đồng thời, SP phân bón Phú Mỹ được người dân tin tưởng sử dụng và luôn được định giá cao hơn đối thủ cạnh tranh.
 - Tiếp tục phát triển đa dạng trong sản xuất kinh doanh hóa chất, hóa phẩm dầu khí.
- Các hoạt động quản lý SXKD được tổ chức/ thực hiện đồng bộ đã góp phần giúp Tổng công ty đạt được hiệu quả kinh doanh nhất định trong bối cảnh thị trường hết sức khó khăn. Đồng thời, chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ kinh doanh trong thời gian tới.

2.4. Hoạt động đầu tư XD CB

- **Tổ hợp Dự án Nâng công suất phân xưởng NH₃ và xây dựng Nhà máy NPK công nghệ hóa học:**
 - + **DA NH₃:** tổng thể đạt 100%. Đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng (PAC) ngày 25/9/2019. Các tồn đọng tranh chấp phát sinh đã được Ban QLDA lập kế hoạch xử lý cũng như tham vấn ý kiến của Tư vấn luật và hiện nay đã cơ bản thống nhất với nhà thầu. Ngoài ra, Ban QLDA, Tổ quyết toán của Tổng công ty và nhà thầu TPIT/PTSC đang làm rõ một số điểm để thực hiện xác nhận khối lượng hoàn thành và dự kiến quyết toán Hợp đồng EPC trong Quý II/2021.
 - + **DA NPK:** Hoàn thành gần 100% (do chưa hoàn thành chạy thử nghiệm thu hệ thống ETP theo HĐ). CĐT và NT đã bàn giao hiện trạng nhà máy để vận hành thương mại từ

ngày 10/8/2018. Tháng 12/2020, Tổng công ty và liên danh Nhà thầu đã thống nhất được một số tranh chấp lớn như ETP, Hệ thống thu gom nước mưa, xích gầu nâng, acid line, miễn giảm Mode DAP...Hiện, các bên đang tập trung rà soát hồ sơ đề nghiệm thu chính thức mốc PAC (dự kiến đầu tháng 04/2021), quyết toán Hợp đồng EPC và quyết toán vốn dự án trong năm 2021.

- **Đầu tư bồn chứa acid H₃PO₄ phục vụ sản xuất Nhà máy NPK:** Đã có dự thảo báo cáo đánh giá, so sánh hiệu quả sản xuất xưởng NPK khi chuyển đổi sản xuất giữa mode hỗn hợp và mode rắn, đề xuất phương án thuê/mua bồn chứa acid trong trường hợp tính toán sản xuất mode hỗn hợp hiệu quả hơn so với mode rắn. Tuy nhiên, nhà máy mới đi vào hoạt động thương mại trong một thời gian ngắn, số liệu thu thập về tiêu hao sản xuất nhà máy thời gian đầu chưa ổn định nên cần bổ sung cập nhật dữ liệu thêm một thời gian để hoàn thiện Báo cáo đánh giá.
- **Dự án Kho chứa phân bón tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ:** Hoàn thành quyết toán vốn dự án, hiện đang theo dõi bảo hành công trình.
- **Kho/bến đầu mối Tây Ninh:** Đã phát hành hồ sơ mời chào giá 02 đợt, tuy nhiên đến thời điểm đóng hồ sơ mời chào giá không có Nhà đầu tư nào nộp HSCG. Hiện TCT tiếp tục tìm kiếm Khách hàng/nhà đầu tư, song song là làm việc với đơn vị tư vấn về phạm vi công việc tiếp tục triển khai dự án với nguồn chi phí đầu tư tối thiểu để duy trì tài sản.
- **Giá trị giải ngân trong ĐTXDCB & MSTTB năm 2020 ước đạt 75 tỷ đồng ~ 70% KH năm.** *Giải ngân thấp so với KH là do các mốc cuối của 2 hợp đồng EPC tổ hợp dự án NH3&NPK Nhà thầu chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán; ngoài ra còn 1 một số hạng mục của các phát sinh chưa được thống nhất giá trị giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu.*

2.5. Các danh hiệu đạt được:

- Bộ sản phẩm Phân bón Phú Mỹ được bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 17 liên tiếp
- Thương hiệu Đạm Phú Mỹ tiếp tục nằm trong Top 50 thương hiệu dẫn đầu của Việt Nam (do Tạp chí Forbes bình chọn).
- Thương hiệu Phân bón Phú Mỹ của PVFCCo lần thứ 4 liên tiếp được công nhận là Thương hiệu Quốc gia
- PVFCCo nằm trong Top 5 DNYY nhóm vốn hóa vừa (Midcap) Quản trị công ty tốt nhất (Sở GD&ĐT TP HCM tổ chức bình chọn)
- Top 500 DN lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm thứ 13 liên tiếp

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu SXKD:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so với năm 2019 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Sản lượng sản xuất						
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	707,9	785,0	865,9	122%	110%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	11,8	13,0	13,5	115%	104%
1.3	NPK	Nghìn tấn	84,5	180,0	114,9	136%	64%
1.4	NH ₃ (để bán)	Nghìn tấn	61,5	57,8	73,6	120%	127%
2	Sản lượng kinh doanh						
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	691,2	780,0	826,8	120%	106%
2.2	NPK	Nghìn tấn	76,6	180,0	94,5	123%	52%
2.3	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	207,9	189,0	179,0	86%	95%
2.4	UFC 85	Nghìn tấn	8,4	9,0	9,6	114%	107%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so với năm 2019 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
2.5	NH3 (bán ra thị trường)	Nghìn tấn	58,8	55,0	67,8	115%	123%
2.6	CO2	Nghìn tấn	51,2	50,0	54,3	106%	109%
2.7	Hóa chất	Nghìn tấn	1,6	0,8	0,7	41%	84%
3	Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)						
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.831,0	9.237,5	8.037,9	103%	87%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	467,1	512,6	847,9	182%	165%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	388,9	432,8	701,6	180%	162%
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	127,9	159,2	287,4	225%	181%
4	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ						
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	8.041,5	7.589,1	8.127,1	101%	107%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914,0	3.914,0	3.914,0	100%	100%
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.006,1	8.703,1	7.411,4	106%	85%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	435,5	491,4	815,2	187%	166%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	370,4	420,5	681,5	184%	162%
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	9%	11%	17%	184%	162%
4.7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	106,7	141,9	267,6	251%	189%
4.8	Đầu tư						
4.8.1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	116,3	106,7	75,0	64%	70%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	100,0	66,7	56,1	56%	84%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	16,3	40,0	18,8	116%	47%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng					
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	116,3	106,7	75,0	64%	70%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	41,8	83,2	75,0	179%	90%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	74,5	23,5		0%	0%

3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2020, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty vẫn cần phải tiếp tục khắc phục và giảm thiểu tác động của một số tồn tại, hạn chế đã chỉ ra:

a) Về sản xuất:

- Nhà máy đạm Phú Mỹ sau hơn 16 năm vận hành, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng các sự cố đã bắt đầu xuất hiện đa dạng hơn. Nhà máy NPK chưa vận hành tối đa công suất.

b) Về quản lý giá thành sản xuất:

- Nhà máy NPK vận hành ở giai đoạn đầu, tính ổn định và sản lượng còn thấp, cũng như việc chuẩn bị nguồn nguyên liệu chưa tối ưu, khiến cho việc xây dựng định mức tiêu hao, kiểm soát giá thành chưa đạt hiệu quả tốt nhất.

c) Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết:

- Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết: VNPOLY, PVC Mekong, PAIC và Công ty cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được trong năm 2020 như kế hoạch đề ra.

4. Các giải pháp xử lý, khắc phục đối với các chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch:

Năm 2020 Tổng công ty chưa đạt kế hoạch về chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ NPK, sản lượng kinh doanh phân bón khác và chỉ tiêu tổng doanh thu.

- Đối với sản xuất, kinh doanh NPK: Một phần nguyên nhân là hoạt động sản xuất chưa ổn định, chưa đạt công suất vận hành theo kế hoạch. Điều này phụ thuộc vào phương án lựa chọn chế độ vận hành, công tác chuẩn bị nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, trong bối cảnh thị trường khó khăn việc nâng cao sản lượng sản xuất vượt khả năng tiêu thụ dẫn tới tăng sản lượng tồn kho. Giải pháp chủ yếu cho vấn đề này là nỗ lực xử lý các vấn đề tồn tại trong công tác vận hành của xưởng NPK, nhằm đảm bảo xưởng NPK vận hành ổn định, liên tục, nâng cao sản lượng và đảm bảo chất lượng sản phẩm, có phương án tổng thể về sản xuất, kinh doanh và chuẩn bị nguồn nguyên liệu đảm bảo kế hoạch sản xuất, kinh doanh NPK hiệu quả.

- Đối với chỉ tiêu kinh doanh phân bón khác: Nhiệm vụ kinh doanh thêm các sản phẩm phân bón khác Tổng công ty thực hiện với mục tiêu đa dạng hóa gói sản phẩm, gia tăng doanh thu trên cơ sở đảm bảo hiệu quả. Do vậy sản lượng kinh doanh phân bón tự doanh sẽ được cân đối, tính toán thực hiện trong thực tế phù hợp với mục tiêu này.

- Đối với chỉ tiêu tổng doanh thu: Chỉ tiêu doanh thu phụ thuộc vào 2 yếu tố chính là sản lượng và giá bán. Về sản lượng, giải pháp của Tổng công ty là đảm bảo sản lượng các sản phẩm sản xuất gồm Ure, NH₃, UFC 85 đạt và vượt kế hoạch, nỗ lực đạt tốt nhất về sản lượng sản xuất NPK và sản lượng kinh doanh phân bón khác để giúp đảm bảo chỉ tiêu doanh thu. Về giá bán, phụ thuộc theo thị trường tuy nhiên Tổng công ty sẽ có giải pháp về mặt kinh doanh để tối ưu về giá bán sản phẩm thông qua hệ thống phân phối.

5. Xử lý các kiến nghị tại báo cáo của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát kiến nghị 3 nội dung và Tổng công ty đã triển khai thực hiện:

- (i) Thực hiện rà soát, cập nhật chiến lược phát triển TCT đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 phù hợp với thực tế tình hình SXKD hiện nay của TCT trình HĐQT chấp thuận/thông qua làm cơ sở đánh giá, triển khai: Hiện tại TCT đã triển khai thuê tư vấn rà soát, đánh giá và hỗ trợ xây dựng Chiến lược phát triển.
- (ii) Đánh giá rủi ro, trách nhiệm nghĩa vụ các bên trong việc thực hiện hợp đồng EPC chậm tiến độ, phối hợp khắc phục các tồn đọng của dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học (hệ thống xử lý nước thải...), dự án Nâng công suất xưởng NH₃ của NMĐ Phú Mỹ để nghiệm thu bàn giao, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định: Các kiến nghị này đã được Tổng công ty đôn đốc, triển khai thực hiện và đã đạt được các kết quả tích cực. Tồn đọng chính của dự án NPK (hệ thống xử lý nước thải) đã được TCT thống nhất với Nhà thầu, được HĐQT thông qua phương án triển khai. Phương án đàm phán cấp cao với Nhà thầu dự án NH₃ về các phát sinh cũng đã được TCT báo cáo và HĐQT có chỉ đạo triển khai thực hiện.
- (iii) Đối với việc kinh doanh các mặt hàng phân bón sản xuất, nhập khẩu: TCT cần kiểm soát chặt chẽ lượng hàng tồn kho, xử lý kịp thời hàng tồn kho chậm luân chuyển, hàng tồn kho vượt định mức quy định. Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực tài chính khách hàng, kiểm soát chặt công nợ phải thu để hạn chế rủi ro mất vốn. BDH đã tiếp thu, thực hiện trong việc điều hành kinh doanh năm 2020.

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2020, HĐQT với 06 thành viên đương nhiệm (02 thành viên độc lập) đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT

được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

2. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách từng mảng hoạt động như sau:

1. Ông Nguyễn Tiến Vinh - Chủ tịch HĐQT

Phụ trách các mảng công việc:

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các vấn đề quan hệ với cổ đông lớn, công ty mẹ của Tổng công ty, các cơ quan quản lý nhà nước.

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo các công việc phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy chế của Tổng công ty về:

+ Công tác tổ chức - nhân sự.

+ Công tác kiểm toán.

+ Công tác rà soát, sửa đổi và xây dựng chiến lược, công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp.

+ Công tác giám sát, chỉ đạo các dự án đầu tư phát triển của Tổng công ty

+ Công tác ban hành, sửa đổi các quy chế của Tổng công ty.

+ Đảm nhận vai trò Giám đốc Quỹ phát triển KHCN, Trưởng các ban chỉ đạo theo phân công của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

+ Công tác xây dựng các đề án/chính sách lương, thưởng, đãi ngộ, công tác đào tạo, đánh giá hiệu quả người lao động.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

- Chỉ đạo hoạt động của Văn phòng HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ;

2. Ông Lê Cự Tân – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Phụ trách các mảng công việc:

- Thực hiện nhiệm vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;

- Phụ trách công tác tài chính kế toán;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Thành viên HĐQT theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Giám sát hoạt động của đơn vị:

- Chi nhánh TCT - Nhà máy Đạm Phú Mỹ;

- Chi nhánh TCT - Ban QLDA.

3. Ông Dương Trí Hội – Thành viên HĐQT chuyên trách

Phụ trách các mảng công việc:

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác kế hoạch;

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng, kinh doanh cơ sở vật chất của Tổng công ty (trừ các nhà máy sản xuất);

- Phối hợp với Chủ tịch HĐQT theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác hoàn thiện quy định, quy chế, chính sách; phối hợp với thành viên HĐQT theo dõi, giám sát, chỉ đạo hoạt động kinh doanh, tiếp thị, bán hàng;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Giám sát hoạt động (thông qua người đại diện phần vốn) của đơn vị:

- Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc;
- Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất.

4. Ông Trịnh Văn Khiêm - Thành viên HĐQT chuyên trách

Phụ trách các mảng công việc:

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo mảng hoạt động kinh doanh, tiếp thị, bán hàng của Tổng công ty.

- Cùng với Chủ tịch HĐQT theo dõi, giám sát công tác ban hành, sửa đổi các quy chế của Tổng công ty;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Giám sát hoạt động (thông qua người đại diện phần vốn) của đơn vị:

- Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ;
- Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam bộ;
- Công ty PVC Mekong, Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ

5. Ông Louis T Nguyen - Thành viên độc lập HĐQT

Phụ trách các mảng công việc:

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo mảng hợp tác đầu tư tài chính, thu hút đầu tư, mua bán sáp nhập... của Tổng công ty liên quan đến các đối tác và nhà đầu tư nước ngoài.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

6. Ông Tạ Quang Huy – Thành viên độc lập HĐQT chuyên trách.

Phụ trách các mảng công việc:

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo mảng nghiên cứu phát triển và khoa học công nghệ; tham gia Hội đồng khoa học công nghệ TCT;

- Cùng với Chủ tịch HĐQT theo dõi, giám sát, chỉ đạo về các dự án đầu tư phát triển, hoạt động sản xuất của Nhà máy;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Giám sát hoạt động (thông qua người đại diện phần vốn) của đơn vị:

- Các đơn vị liên doanh, liên kết: VNPOLY, PAIC.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự đủ các cuộc họp
1.	Ông Nguyễn Tiến Vinh	CT HĐQT	10/1/2019/-	4/4	100%	

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự đủ các cuộc họp
2.	Ông Lê Cự Tân	TV HĐQT	26/4/2018/-	4/4	100%	
3.	Ông Nguyễn Hồng Vinh	TV HĐQT	26/4/2018/ 01/05/2020	1/4	25%	Nghỉ hưu từ 1/5/2020
4.	Ông Louis T Nguyen	TV HĐQT	28/4/2016/-	4/4	100%	
5.	Ông Lê Minh Hồng	TV HĐQT	10/1/2019/ 30/9/2020	1/4	25%	Từ nhiệm
6.	Ông Dương Trí Hội	TVHĐQT	17/4/2019/-	4/4	100%	
7.	Ông Trịnh Văn Khiêm	TVHĐQT	16/6/2020/-	3/4	75%	Tham gia HĐQT từ ngày 16/6/2020
8.	Ông Tạ Quang Huy	TVHĐQT	30/09/2020 /-	1/4	25%	Tham gia HĐQT từ ngày 30/9/2020

Ngoài ra, từng thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia vào việc thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua **111** lần lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức quản trị công ty của các thành viên Hội đồng quản trị

- Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về quản trị công ty tại thời điểm được bầu/bổ nhiệm.
- Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.

4. Chi phí hoạt động, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT trong năm 2020

*** Về chi phí hoạt động:**

Các thành viên HĐQT chuyên trách và thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc làm việc chuyên trách, thường xuyên tại Tổng công ty sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các Quy chế của Tổng công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, Quy chế về chế độ công tác phí, Chính sách nhân viên... và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

*** Về chính sách tiền lương, thù lao và tiền thưởng, phúc lợi khác:**

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2020 của các Thành viên HĐQT:**ĐVT: Triệu đồng**

TT	Họ & tên	Chức danh	Quỹ Tiền lương	Quỹ Tiền thưởng	Tổng thu nhập	Ghi chú
	<i>Tổng cộng</i>		5.324	618	5.948	
1	Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	1.326	166	1.491	
2	Lê Cự Tân	TV HĐQT, TGD	1.313	164	1.477	
3	Dương Trí Hội	TV HĐQT	1.150	144	1.294	
4	Nguyễn Hồng Vinh	TV HĐQT	320	40	360	Nghỉ hưu từ 01/5/2020
5	Trịnh Văn Khiêm	TV HĐQT	558	71	636	Giữ chức vụ từ ngày 16/6/2020
6	Tạ Quang Huy	TV HĐQT độc lập	269	34	303	Giữ chức vụ từ ngày 30/9/2020
7	Louis Nguyễn	TV HĐQT độc lập không chuyên trách	239	-	239	
8	Lê Minh Hồng	TV HĐQT độc lập không chuyên trách	149	-	149	Thôi giữ chức từ 30/9/2020

5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

6. Báo cáo về giao dịch giữa PVFCCo, công ty con, công ty do PVFCCo nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó, giao dịch giữa PVFCCo với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

* Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2020, không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

* Hợp đồng hoặc giao dịch với các tổ chức, cá nhân có liên quan:

- Hợp đồng mua bán khí với Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas).
- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thương hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).
- Tổng công ty góp vốn chi phối 4 công ty con hình thành hệ thống đại lý, phân phối sản phẩm của Tổng công ty, các giao dịch mua bán đúng quy định, đúng điều lệ công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, HĐQT họp 4 phiên họp và 111 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 73 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

- **Kế hoạch, chiến lược :**
 - + Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2020;
 - + Chỉ đạo triển khai thuê tư vấn rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Tổng công ty.
- **Về tổ chức – nhân sự:**
 - + Kiện toàn các chức danh lãnh đạo cao cấp (Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc);
 - + Tiếp tục chỉ đạo rà soát, hoàn thiện công tác tái sắp xếp cơ cấu bộ máy quản trị điều hành công ty mẹ & các công ty con, công tác tái cơ cấu tổng thể;
 - + Phê duyệt định biên lao động.
- **Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ:** Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 2 hệ thống ERP; Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình.
- **Đầu tư, triển khai các dự án:** Chỉ đạo triển khai và xử lý vướng mắc nhằm hoàn thành giai đoạn kết thúc của dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học.
- **Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế:** Quy chế quản lý người đại diện tại các doanh nghiệp, Quy chế quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón, Quy chế về chế độ công tác phí trong nước, phương tiện đi lại và chi phí hành chính khác; Quy chế trả lương trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi...
- **Công tác tái cơ cấu:** Thành lập Ban chỉ đạo để triển khai công tác tái cơ cấu tổng thể Tổng công ty và các đơn vị thành viên;
- **Quan hệ cổ đông:** Tổ chức thành công 02 phiên họp ĐHĐCĐ gồm có ĐHCĐ thường niên 2020 (trong tháng 6/2020) và ĐHCĐ bất thường về thay đổi nhân sự trong HĐQT (trong tháng 09/2020). Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, Tổ IR đã tăng cường các hoạt động tiếp xúc gián tiếp qua kênh trực tuyến nhằm đảm bảo thông tin liên tục, kịp thời về kết quả hoạt động tới cổ đông, NĐT. Tổ chức họp trực tuyến định kỳ hàng quý với NĐT sau khi công bố BCTC và tham gia 03 diễn đàn gặp mặt trực tuyến với các NĐT trong nước và quốc tế trong Quý 3 và Quý 4 và khoảng 10 cuộc họp trực tiếp với các quỹ đầu tư (trong giai đoạn không giãn cách) theo yêu cầu. Bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ các quy định về công bố thông tin, Tổ IR tiếp tục duy trì phát hành định kỳ hàng quý thông tin/bản tin Nhà đầu tư về kết quả hoạt động của công ty; Thực hiện các chương trình hợp tác với các tổ chức môi giới, các cơ quan truyền thông đầu tư tài chính nhằm chuyển tải và phản hồi kịp thời, minh bạch các thông tin về PVFCCo ra thị trường; duy trì kết nối hợp tác với các cổ đông chủ chốt và các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước...
- **Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính:** Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT:

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị Louis T Nguyễn và Lê Minh Hồng, Tạ Quang Huy hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự và ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị kể từ thời điểm được bầu vào Hội đồng quản trị.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về quản trị/điều hành của Tổng công ty trong năm 2020:

- Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, Điều lệ Tổng công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ điều hành đã thực hiện và tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao theo quy định với mục tiêu bảo vệ quyền lợi cho toàn thể cổ đông của Tổng công ty, kết quả được thể hiện qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

- Trong Tổng công ty, cổ đông Nhà nước cũng giống như các cổ đông khác, đều mong muốn giá trị của công ty tăng lên. Những người quản trị là đại diện vốn nhà nước ngoài nhiệm vụ tuân thủ chế độ quản trị doanh nghiệp, còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn phần vốn của Nhà nước. Tổng công ty phụ thuộc khá lớn vào chi phí nguyên liệu sản xuất và trong bối cảnh nguồn khí gas rẻ suy giảm, Ban quản trị đã hết sức nỗ lực trong việc thuyết trình, đề xuất, bảo vệ cho những cam kết, hay chính sách của Nhà nước có lợi nhất cho Tổng công ty về lĩnh vực này trong ngắn hạn và dài hạn. HĐQT Tổng công ty đã hoạt động tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị đối với công ty niêm yết, đảm bảo cho các thành viên HĐQT và thành viên HĐQT độc lập thực thi quyền hạn, trách nhiệm.

- Để tiến tới và tiếp cận sát với các chuẩn mực quản trị tiên tiến, HĐQT cần có sự rà soát, cải tiến nội dung hoạt động theo hướng tăng cường công tác định hướng, chiến lược và giám sát, xây dựng cơ chế phân cấp mạnh mẽ và phù hợp để giảm bớt sự tham gia vào các hoạt động mang tính chất điều hành.

- Thành viên độc lập phụ trách về mảng quan hệ với các cổ đông đặc biệt là nước ngoài, chiếm tỷ lệ khá lớn trong công ty, trong năm 2020 tiếp tục chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng công ty và nỗ lực từ ban quản trị, điều hành, và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Tổng công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước. Và việc cải tiến liên tục để hiệu quả là điều mong muốn đương nhiên của tất cả các cổ đông.

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001: 2004; hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, đề án cải cách chính sách tiền lương và đánh giá nhân viên được triển khai góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.
- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc kinh doanh các mặt hàng tự doanh: NPK, Kali, các mặt hàng hóa chất và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.

VI. VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty triển khai, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch chính. Về chủ trương Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty tìm kiếm và chủ động quyết định việc mua khí nguyên liệu phục vụ sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và chỉ đạo của các Cấp có thẩm quyền, trước mắt Hội đồng quản trị đã thông qua việc gia hạn hợp đồng mua bán khí năm 2020 đến hết ngày 30/04/2021 và nỗ lực để có thể đạt được hợp đồng cung cấp khí cho năm 2021 và các năm tiếp theo./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Vinh

Phần 3 – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2021:

Năm 2021 diễn ra trong bối cảnh các yếu tố về thị trường phân bón, giá khí tiếp tục có những khó khăn như đã diễn ra trong năm 2020 cùng với những tác động của đại dịch COVID-19. Đặc biệt, về nguồn cung khí thiên nhiên đã chuyển sang thời kỳ khó khăn, các nguồn khí giá rẻ sụt giảm sản lượng.

Trước những khó khăn thách thức đó, với sự ủng hộ, hỗ trợ của cổ đông Nhà nước, Hội đồng quản trị đề ra các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Triển khai các nhiệm vụ SXKD đảm bảo: An toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ, xưởng sản xuất NPK và xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde đảm bảo an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm, thực hiện thành công đợt bảo dưỡng tổng thể NM ĐPM.
3. Tìm kiếm nguồn khí ổn định (sản lượng, giá bán) dài hạn cho sản xuất đạm, đảm bảo hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.
4. Tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm để nâng cao hiệu quả hoạt động từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Trong đó, tập trung công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý; huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả.
5. Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ để không phát sinh nợ xấu mới, có biện pháp xử lý để thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.
6. Xây dựng phương án cơ cấu vốn chủ sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của PVFCCo đồng thời đảm bảo bảo toàn phần vốn góp của PVN tại PVFCCo theo đúng quy định hiện hành.
7. Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát và tiết giảm tối đa các khoản chi phí cần tiết giảm bằng các giải pháp cụ thể, đặc biệt tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của PVFCCo.
8. Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, quản lý, thu hồi công nợ và trích lập dự phòng theo đúng quy định.
9. Tiếp tục nỗ lực có giải pháp, tăng cường công tác bán hàng, tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm NPK và NH₃; giảm lượng hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
10. Thực hiện rà soát, đánh giá phân loại và xử lý các tài sản không tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, không mang lại doanh thu cho PVFCCo nhằm nâng cao chất lượng tài sản cho đơn vị; xây dựng phương án tái cơ cấu Vốn chủ sở hữu (Quỹ ĐTPT ...) phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD đồng thời bảo toàn phần vốn góp của PVN tại PVFCCo theo đúng quy định hiện hành.
11. Tiếp tục thực hiện việc mua sắm vật tư dự phòng 02 năm vận hành và dự phòng vật tư thiết bị chính của phần Nâng công suất xưởng NH₃ của nhà máy đạm Phú Mỹ và vật tư dự phòng 2 năm của nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học thuộc Tổ hợp Dự án đầu tư Nâng công suất phân xưởng NH₃ và nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học đảm bảo tối ưu chi phí vật tư tồn kho và an toàn cho Nhà máy.
12. Tiếp tục củng cố thương hiệu Đạm Phú Mỹ trong nước và ngoài nước; kinh doanh đảm bảo hiệu quả, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với các nhà đầu tư và lợi ích kinh tế xã hội.

13. Phát triển thị trường kinh doanh sản phẩm NPK Phú Mỹ, tăng cường công tác tiếp thị và truyền thông để định hình thương hiệu NPK Phú Mỹ cả về mẫu mã và chất lượng.
14. Xây dựng hệ thống phân phối phân bón bền vững trong nước và tìm kiếm mở rộng thị trường nước ngoài.
15. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa các sản phẩm phân bón và hóa chất.
16. Tập trung hoàn thành quyết toán dự án nâng công suất phân xưởng NH₃ nhà máy đạm Phú Mỹ và dự án nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học bảo đảm đúng quy định; triển khai các dự án Đầu tư xây dựng trong kế hoạch đảm bảo tiến độ, chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả kinh tế.
17. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình hiện có tại TCT cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của Pháp luật.
18. Rà soát lại các bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại NM ĐPM, xây dựng định mức cho Nhà máy NPK và tích hợp lại với các bộ định mức hiện có của NM ĐPM để có bộ định mức dùng chung cho các Nhà máy của TCT.
19. Rà soát, cập nhật lại chính sách kinh doanh của TCT trên cơ sở thị trường; Các công ty vùng miền tăng cường tính tự chủ trong hoạt động.
20. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng môi trường cạnh tranh.
21. Thực hiện các chương trình phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, ưu tiên dùng hàng Việt nam,...
22. Thực hiện công tác cơ cấu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và ĐHĐCĐ.

II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty như sau:

1. Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	766.000
1.2	NPK Phú Mỹ	Tấn	150.000
1.3	UFC 85/Fomaldehyde	Tấn	12.500
1.4	NH ₃ sản xuất bán thương mại	Tấn	63.000
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	770.000
2.2	NPK Phú Mỹ	Tấn	140.000
2.3	UFC 85/Fomaldehyde	Tấn	8.500
2.4	NH ₃	Tấn	63.000
2.5	Phân bón khác	Tấn	189.000
2.6	CO ₂	Tấn	50.000
2.7	Hóa chất khác	Tấn	648

2. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.331
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	437
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	365
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	156

3. Kế hoạch Công ty mẹ

a. Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.584
	Trong đó: Vốn điều lệ/vốn điều lệ bình quân	Tỷ đồng	3.914
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.859
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	419
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	355
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	%	4,55
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ *	%	10
7	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,38
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	140
	- Thuế	Tỷ đồng	140

(*) Kế hoạch chia cổ tức là tạm tính trên cơ sở giá khi giả định cho sản xuất Đạm Phú Mỹ. PVFCCo chỉ được tiến hành chi trả cổ tức năm 2021 khi giá khí/cước phí vận chuyển khí cho sản xuất Đạm Phú Mỹ năm 2021 được cấp thẩm quyền phê duyệt/ chấp thuận.

b. Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	364,2
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	314,2
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	50
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
II	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	364,2
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	182,6
	- Trong đó tăng vốn điều lệ	Tỷ đồng	-

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	181,6
III	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	364,2
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	182,6
	- Trong đó tăng vốn điều lệ	Tỷ đồng	-
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	181,6

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có những chỉ tiêu cần điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (nếu có) cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong lần họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trên đây là Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Nguyễn Tiến Vinh

Phần 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch
Ông Lê Cự Tân	Thành viên
Ông Louis T. Nguyen	Thành viên
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Tạ Quang Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2020)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2020)
Ông Lê Minh Hồng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2020)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và thông qua ngày 18 tháng 3 năm 2021.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Cự Tân

Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến tiền sử dụng đất và các chi phí khác của khu đường đi có diện tích 0,6 ha đã được Tổng Công ty đầu tư xây dựng tại tỉnh Cà Mau.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 4370-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.314.163.032.937	5.943.854.074.804
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.029.198.585.342	2.976.952.450.033
1.	Tiền	111		265.139.502.295	349.278.804.046
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.764.059.083.047	2.627.673.645.987
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.185.000.000.000	1.035.000.000.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.185.000.000.000	1.035.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		340.731.443.856	289.371.734.319
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	223.032.121.230	239.163.840.466
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	58.161.771.022	37.348.595.546
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	292.846.621.763	250.709.558.469
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.576.422.659)	(238.285.341.239)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		267.352.500	435.081.077
IV.	Hàng tồn kho	140	10	1.468.360.373.620	1.350.638.678.171
1.	Hàng tồn kho	141		1.494.665.449.780	1.370.295.612.901
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(26.305.076.160)	(19.656.934.730)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		290.872.630.119	291.891.212.281
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	27.025.250.532	29.727.375.587
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		256.938.273.841	257.326.042.539
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	6.909.105.746	4.837.794.155

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.985.778.272.458	5.496.454.188.790
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		698.374.000	658.396.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	698.374.000	658.396.000
II. Tài sản cố định	220		4.282.892.453.351	4.790.657.948.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.438.870.887.385	3.932.312.724.389
- Nguyên giá	222		11.646.460.047.004	11.629.420.833.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.207.589.159.619)	(7.697.108.108.737)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	844.021.565.966	858.345.223.845
- Nguyên giá	228		1.153.056.314.593	1.152.277.537.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(309.034.748.627)	(293.932.313.748)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	219.743.745.413	239.820.697.731
- Nguyên giá	231		317.953.542.202	334.556.867.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(98.209.796.789)	(94.736.169.813)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		153.441.224.477	145.846.801.849
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	153.441.224.477	145.846.801.849
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.245.603.945	45.369.527.464
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	27.991.375.327	26.973.857.965
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(4.247.771.382)	(2.106.330.501)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		284.756.871.272	274.100.817.512
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	30.448.054.378	30.935.743.889
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	101.730.355.972	81.381.867.070
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	139.786.369.885	148.991.115.516
4. Tài sản dài hạn khác	268		12.792.091.037	12.792.091.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.299.941.305.395	11.440.308.263.594

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.052.441.964.507	3.278.872.819.011
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.026.034.102.655	2.060.713.280.767
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	452.877.108.896	478.565.168.169
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	122.950.516.714	80.837.106.240
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	58.813.917.687	66.288.625.026
4.	Phải trả người lao động	314		133.671.272.818	137.134.034.081
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	456.822.960.695	678.292.053.057
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		16.363.638	18.181.819
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	22	64.799.698.649	80.115.659.533
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	190.871.758.751	177.270.899.255
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	467.511.021.812	312.648.007.246
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		77.699.482.995	49.543.546.341
II.	Nợ dài hạn	330		1.026.407.861.852	1.218.159.538.244
1.	Phải trả dài hạn khác	337	22	1.866.870.000	960.870.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	858.922.907.882	1.063.625.393.987
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		132.540.000.000	132.540.000.000
4.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		33.078.083.970	21.033.274.257
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.247.499.340.888	8.161.435.444.583
I.	Vốn chủ sở hữu	410	26	8.247.499.340.888	8.161.435.444.583
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3.	Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		3.497.039.984.859	3.497.039.984.859
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		654.776.859.274	566.144.654.027
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		54.215.294.040	228.248.570.458
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		600.561.565.234	337.896.083.569
6.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		162.799.407.017	165.367.715.959
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		11.299.941.305.395	11.440.308.263.594

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.867.574.305.211	7.757.075.543.739
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		105.755.700.648	73.534.335.681
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	7.761.818.604.563	7.683.541.208.058
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	6.032.014.990.990	6.281.448.254.606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	29	1.729.803.613.573	1.402.092.953.452
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	179.636.016.847	140.013.425.496
7. Chi phí tài chính	22	32	94.847.103.094	107.636.556.757
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		88.463.426.175	106.897.449.564
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24		2.437.351.362	1.680.107.483
9. Chi phí bán hàng	25	33	654.617.057.501	554.758.002.570
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	409.071.818.150	415.339.815.960
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		753.341.003.037	466.052.111.144
12. Thu nhập khác	31	34	96.475.936.092	7.480.346.769
13. Chi phí khác	32	35	1.926.168.341	6.456.808.962
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		94.549.767.751	1.023.537.807
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		847.890.770.788	467.075.648.951
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	166.619.580.888	90.454.832.980
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(20.348.488.902)	(12.239.055.688)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		701.619.678.802	388.859.871.659
18.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		691.307.691.848	377.703.325.589
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.311.986.954	11.156.546.070
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.535	754

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	847.890.770.788	467.075.648.951
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	549.648.417.025	561.879.123.157
Các khoản dự phòng	03	194.437.765.308	167.226.193.328
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.687.283.663)	(764.976.791)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(177.401.927.532)	(137.907.172.131)
Chi phí lãi vay	06	88.463.426.175	106.897.449.564
Các khoản điều chỉnh khác	07	20.000.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.521.351.168.101	1.164.406.266.078
Thay đổi các khoản phải thu	09	(12.019.853.115)	227.366.396.790
Thay đổi hàng tồn kho	10	(114.561.989.431)	255.149.812.712
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(215.723.205.282)	283.021.492.395
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.189.814.566	16.080.067.431
Tiền lãi vay đã trả	14	(101.010.428.297)	(54.866.114.339)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(178.220.066.598)	(45.844.375.272)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(115.732.025.947)	(86.306.205.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	787.273.413.997	1.759.007.340.443
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(81.740.330.467)	(117.832.821.638)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.828.702.473
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.940.000.000.000)	(1.720.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.790.000.000.000	1.640.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	165.742.209.214	140.662.774.725
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.065.998.121.253)	(54.341.344.440)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	381.719.552.000	124.208.464.716
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(571.448.728.652)	(166.966.798.373)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(479.315.340.540)	(401.886.060.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(669.044.517.192)	(444.644.394.357)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(947.769.224.448)	1.260.021.601.646
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.976.952.450.033	1.716.919.348.616
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.359.757	11.499.771
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.029.198.585.342	2.976.952.450.033

 Trần Xuân Thảo
 Người lập biểu

 Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng

 Lê Cự Tân
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

(Phần thuyết minh BCTC, xin vui lòng xem toàn văn BCTC đã được công bố tại website www.dpm.vn)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch
Ông Lê Cự Tân	Thành viên
Ông Louis T.Nguyen	Thành viên
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Tạ Quang Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2020)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2020)
Ông Lê Minh Hồng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2020)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và thông qua ngày 18 tháng 3 năm 2021.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến tiền sử dụng đất và các chi phí khác của khu đường đi có diện tích 0,6 ha đã được Tổng Công ty đầu tư xây dựng tại tỉnh Cà Mau.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.703.290.130.352	5.355.844.463.509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.699.179.830.219	2.758.198.902.186
1. Tiền	111		165.179.830.219	244.198.902.186
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.534.000.000.000	2.514.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.185.000.000.000	975.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.185.000.000.000	975.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		214.128.629.551	183.484.184.864
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	104.002.063.787	131.829.109.353
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	51.410.051.627	35.653.031.943
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	292.292.936.796	249.143.385.150
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.576.422.659)	(233.576.422.659)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	435.081.077
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.314.316.391.820	1.147.720.909.042
1. Hàng tồn kho	141		1.340.621.467.980	1.162.821.693.099
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(26.305.076.160)	(15.100.784.057)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		290.665.278.762	291.440.467.417
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	26.817.899.175	29.276.630.723
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		256.938.273.841	257.326.042.539
Thuế và các khoản khác phải thu				
3. Nhà nước	153	15	6.909.105.746	4.837.794.155

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.259.357.794.948	5.764.346.182.239
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		595.000.000	555.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	595.000.000	555.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.198.343.442.859	4.697.610.771.661
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.408.337.562.285	3.893.773.706.877
- Nguyên giá	222		11.455.564.040.448	11.442.458.561.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.047.226.478.163)	(7.548.684.854.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	790.005.880.574	803.837.064.784
- Nguyên giá	228		1.092.207.401.418	1.091.715.796.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(302.201.520.844)	(287.878.731.634)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	219.743.745.413	239.820.697.731
- Nguyên giá	231		317.953.542.202	334.556.867.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(98.209.796.789)	(94.736.169.813)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		155.442.506.194	148.059.898.207
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	155.442.506.194	148.059.898.207
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	420.707.228.618	422.848.669.499
1. Đầu tư vào công ty con	251		386.250.000.000	386.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		680.903.000.000	680.903.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(666.947.771.382)	(664.806.330.501)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		264.525.871.864	255.451.145.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	16.577.320.494	20.955.190.078
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	95.370.090.448	72.712.748.510
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế				
3. dài hạn	263	10	139.786.369.885	148.991.115.516
4. Tài sản dài hạn khác	268		12.792.091.037	12.792.091.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				
(270=100+200)	270		10.962.647.925.300	11.120.190.645.748

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.835.529.649.568	3.078.698.673.843
I. Nợ ngắn hạn	310		1.941.661.787.716	1.993.079.135.599
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	454.652.023.667	481.857.279.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	95.659.550.511	72.972.244.692
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	51.877.930.637	59.102.811.898
4. Phải trả người lao động	314		117.097.287.975	116.196.881.387
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	448.079.404.279	667.791.126.473
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	51.647.007.722	69.379.791.634
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	190.871.758.751	177.270.899.255
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	467.511.021.812	312.648.007.246
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		64.265.802.362	35.860.093.621
II. Nợ dài hạn	330		893.867.861.852	1.085.619.538.244
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	1.866.870.000	960.870.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	858.922.907.882	1.063.625.393.987
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		33.078.083.970	21.033.274.257
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.127.118.275.732	8.041.491.971.905
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	8.127.118.275.732	8.041.491.971.905
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.444.814.857.841	3.444.814.857.841
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		749.420.328.153	663.794.024.326
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		151.884.425.417	325.884.080.695
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		597.535.902.736	337.909.943.631
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.962.647.925.300	11.120.190.645.748

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
1. dịch vụ	01	27	7.267.626.760.488	6.945.236.005.613
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	158.515.005.569	112.464.017.049
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	7.109.111.754.919	6.832.771.988.564
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	5.613.026.777.445	5.679.661.967.530
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.496.084.977.474	1.153.110.021.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	206.534.251.941	166.775.066.215
7. Chi phí tài chính	22	31	92.824.454.882	107.047.900.173
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		86.967.787.022	106.308.792.980
8. Chi phí bán hàng	25	32	538.658.404.669	436.866.130.673
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	349.930.722.082	340.596.999.578
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		721.205.647.782	435.374.056.825
11. Thu nhập khác	31	33	95.768.310.284	6.539.079.707
12. Chi phí khác	32	34	1.724.581.553	6.377.609.445
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		94.043.728.731	161.470.262
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		815.249.376.513	435.535.527.087
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	156.370.815.715	78.592.670.064
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	(22.657.341.938)	(13.487.086.608)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		681.535.902.736	370.429.943.631

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	815.249.376.513	435.535.527.087
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	536.929.344.181	549.028.815.745
Các khoản dự phòng	03	168.208.747.550	160.427.465.624
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.687.662.053	(764.976.791)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(176.218.942.988)	(162.176.922.519)
Chi phí lãi vay	06	86.967.787.022	106.308.792.980
Các khoản điều chỉnh khác	07	20.000.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.452.823.974.331	1.088.358.702.126
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(22.058.368.399)	350.450.877.151
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(167.991.927.433)	163.527.859.317
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(198.341.999.647)	308.483.782.180
Giảm chi phí trả trước	12	6.836.601.132	12.091.804.164
Tiền lãi vay đã trả	14	(99.547.733.136)	(54.345.835.248)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(168.787.153.507)	(34.430.166.949)
Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	17	(106.461.070.272)	(86.038.974.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	696.472.323.069	1.748.098.048.027
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(77.958.286.063)	(115.191.775.671)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.026.489.853
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.900.000.000.000)	(1.640.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.690.000.000.000	1.490.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	191.621.581.586	166.180.597.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.096.336.704.477)	(96.984.688.565)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	77.628.239.716
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(189.728.768.262)	(90.386.573.373)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(469.410.592.540)	(391.593.395.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(659.139.360.802)	(404.351.728.957)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.059.003.742.210)	1.246.761.630.505
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.758.198.902.186	1.511.425.771.910
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.329.757)	11.499.771
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.699.179.830.219	2.758.198.902.186

Hoàng Thị Lan Anh
 Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
 Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2021

(Phần thuyết minh BCTC, xin vui lòng xem toàn văn BCTC đã được công bố tại website www.dpm.vn)

Phần 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều 13 của Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí -CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện 2020:

* ĐHĐCĐ đã chấp thuận kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020 của Tổng công ty tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 ngày 16/06/2020, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến: 10%/mệnh giá cổ phiếu, từ nguồn lợi nhuận thực hiện 2020 và nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 chuyển sang.
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 20% LNST tương đương 84,25 tỷ đồng (không quá 3 tháng lương).
- Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2020 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 vào kỳ họp ĐHĐCĐ năm 2021 cho phù hợp.

* Với kết quả SXKD năm 2020 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, Hội đồng quản trị TCT đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận 2020 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền
1	Số dư lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		151.281.323.600
2	Lợi nhuận sau thuế 2020		681.535.902.736
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2020	(3=3.1+3.2)	137.651.555.547
3.1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016	85.544.375.000
	<i>Trong đó: - Quỹ KTPL người lao động</i>		84.000.000.000
	<i>- Quỹ thưởng người quản lý</i>		1.544.375.000
3.2	Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động		52.107.180.547
4	Lợi nhuận còn lại năm 2020 sau khi trích lập các quỹ	(4=2-3)	695.165.670.789
5	Chia cổ tức		547.867.964.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)	14%/mệnh giá	1.400
6	Lợi nhuận chuyển sang năm 2021	(6=4-5)	147.297.706.789

Giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện thủ tục chi trả cổ tức 2020 theo phương án nêu trên (phần còn lại sau khi trừ đi cổ tức đã chi tạm ứng 700 đồng/cổ phiếu cho cổ đông).

II. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chuyển sang		147.297.706.789
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo KH được chấp thuận		355.000.000.000
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2021	(3=3.1+3.2)	72.544.375.000
3.1	Trích quỹ KT-PL người lao động	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016	71.000.000.000
3.2	Trích quỹ thưởng người quản lý		1.544.375.000
3.3	Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động		20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch
4	Lợi nhuận còn lại năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	(4=2-3)	282.455.625.000
5	Tổng lợi nhuận để lại đến năm 2021	(5=1+4)	429.753.331.789
6	Chia cổ tức		391.334.260.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)		1.000
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2022	(7=5-6)	38.419.071.789

Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2021 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 cho phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Vinh

Phần 6 - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của PVFCCo năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
 Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ điều lệ Tổng Công ty Phân Bón Và Hóa Chất Dầu Khí – CTCP.

Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phân Bón Và Hóa Chất Dầu Khí – CTCP, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021;
2. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2021.

(Cụ thể theo nội dung Báo cáo đính kèm)

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Huỳnh Kim Nhân

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Căn cứ Kế hoạch hoạt động năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát Tổng công ty đã triển khai thực hiện hoàn thành công tác Kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, tổ chức các cuộc họp định kỳ, tham gia đầy đủ cuộc họp của Tổng công ty, ban hành các Quyết định, kiến nghị liên quan đến hoạt động sản xuất của đơn vị.

I. Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty:

Trong năm 2020, Tổng Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2020 do ĐHĐCĐ phê duyệt, Ban Kiểm soát đã thẩm định và nhận thấy Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 phản ánh đúng, trung thực hoạt động của Tổng công ty cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

❖ Sản lượng sản xuất:

- Urê PM: 865.905 tấn - đạt 110% KH năm, tăng 22% so với cùng kỳ 2019.
- UFC85: 13.498 tấn - đạt 104% KH năm, tăng 15% so với cùng kỳ 2019.
- NPK PM: 114.923 tấn - đạt 64% KH năm, tăng 36% so với cùng kỳ 2019.

❖ Sản lượng kinh doanh:

- Urê PM: 826.763 tấn - đạt 106% KH năm 2020, tăng 20% so với năm 2019.
- NPK PM 94.488 tấn - đạt 52% KH năm, tăng 23% so với cùng kỳ 2019
- Phân bón khác (NK và tự doanh): 178.970 tấn - đạt 95% KH năm, giảm 14% so với cùng kỳ 2019.
- NH3: 67.774 tấn - đạt 123% KH năm, tăng 13% so với cùng kỳ 2019.
- UFC 85: 9.597 tấn - đạt 107% KH năm, tăng 14% so với cùng kỳ 2019.
- Hóa chất khác: 669 tấn - đạt 84% KH năm, giảm 59% so với cùng kỳ 2019.

❖ Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu hợp nhất: 8.481 tỷ đồng - đạt 92% KH năm, tăng 8% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 848 tỷ đồng - đạt 165% KH năm, tăng 82% so với cùng kỳ 2019.

❖ Về Công tác triển khai các dự án đầu tư:

Đã hoàn thành đưa vào sử dụng Tổ hợp dự án nâng công suất phân xưởng NH3 và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học, đang thuê bên thứ 3 tư vấn đánh giá, xử lý các tồn đọng để nghiệm thu bàn giao quyết toán chính thức công trình.

Quyết toán đầu tư hoàn thành công trình "Dự án đầu tư xây dựng Nhà kho chứa phân bón (dạng hạt rời) mở rộng - Nhà máy NPK.

❖ Về công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

Thực hiện xây dựng tái cơ cấu tổng thể mô hình tổ chức hoạt động Tổng Công ty giai đoạn 2020-2025, xác định nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến công tác tổ chức khối Văn phòng công ty mẹ và Nhà máy đạm Phú Mỹ, tái cơ cấu các Công ty vùng miền, tiếp tục hỗ trợ các Công ty liên kết hoạt động hiệu quả để thực hiện thoái vốn.

❖ Về công tác quản trị, ứng khoa học công nghệ:

Điều chỉnh, sửa đổi, ban hành Quy chế quản lý Người đại diện, Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh, Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi. Tiếp tục tăng cường khai thác hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị của Tổng công ty.

II. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ theo, phối hợp tổ chức kiểm tra và có kiến nghị về hoạt động SXKD năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 của các đơn vị. Đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

2. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát:

Các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát được giao theo quy định của Điều lệ TCT và tuân thủ quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Kim Nhân – Trưởng Ban kiểm soát TCT.

Chỉ đạo điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát, phê duyệt kế hoạch hoạt động, giám sát các quy định về chính sách, chiến lược, công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp, giám sát hoạt động SXKD của Công ty mẹ và các Công ty con, Chỉ đạo các hoạt động kiểm soát thường xuyên của Ban Kiểm soát, đánh giá: Hoàn thành nhiệm vụ.

Ông Lê Vinh Văn – Thành viên Ban kiểm soát

Kiểm tra, giám sát hiệu quả các dự án đầu tư XD CB và mua sắm; công tác quản lý/sử dụng vốn, bảo toàn phát triển vốn; công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm, Giám sát công tác kiểm kê và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật; Giám sát hoạt động SXKD công ty mẹ - các công ty con, đánh giá Hoàn thành nhiệm vụ

Ông Lương Phương – Thành viên Ban kiểm soát Kiêm nhiệm

- Giám sát công tác lập và thực hiện kế hoạch SXKD, thẩm định đánh giá xếp loại doanh nghiệp, Giám sát công tác NCPT và sử dụng quỹ KHCN, chế độ tiền lương công ty mẹ - công ty con, tham gia thẩm định quỹ tiền lương hàng năm, đánh giá Hoàn thành nhiệm vụ

III. Thù lao, chi phí hoạt động các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và các Thành viên :

- Tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên được xây dựng, thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và theo Nghị định được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua như sau:

TT	Họ & tên	Chức danh	Tiền lương Thù lao	Tiền thưởng phúc lợi	Tổng thu nhập
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban	1.150	144	1.294
2	Lê Vinh Văn	Thành viên	946	118	1,065
4	Lương Phương	Thành viên	207	-	207
	Tổng cộng (triệu đồng)		2.304	262	2.566

- Chi phí hoạt động của Ban và từng thành viên là 354,36 triệu đồng, bao gồm: Chi phí Văn phòng phẩm, trang thiết bị 78,25 triệu đồng, Cước điện thoại, internet 19,57 triệu đồng, Công tác phí 174,84 triệu đồng và chi phí tiếp khách, hội họp 81,68 triệu đồng, đã được hạch toán vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty.

IV. Tổng kết các phiên họp của Ban kiểm soát, các kết luận kiến nghị, kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty:

Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp để phân công nhiệm vụ các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban Kiểm soát, chi tiết như sau:

Phiên họp	Nội dung, kiến nghị	Kết quả cuộc họp
Phiên 1 27/3/2020	- Thống nhất nội dung và có kiến nghị trong báo cáo hoạt động của BKS TCT năm 2019 trình ĐHĐCĐ năm 2020; - Kiến nghị HĐQT phê duyệt kế hoạch chọn lựa đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2020; Thông qua nội dung thẩm định BCTC năm 2019; thực hiện Kế hoạch hoạt động quý 1/2020.	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 2 24/6/2020	- Kết quả giám sát hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2020; - Lập chương trình kiểm tra kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 tại các đơn vị. thực hiện kế hoạch hoạt động quý 3/2020.	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 3 28/9/2020	- Kết quả Công tác giám sát 9 tháng đầu năm 2020, Giám sát xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 của TCT; thực hiện Kế hoạch hoạt động quý 4/2020.	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 4 29/12/2020	- Rà soát, đánh giá hoạt động năm 2020 của các TV BKS, giám sát một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2020, xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát TCT.	Các thành viên BKS thông qua 100%

V. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng Công ty, các Công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó:

Đến 31/12/2020, tổng số vốn góp vào 4 Công ty con có tỷ lệ vốn góp 75%/VĐL là 386,25 tỷ đồng, các Công ty này làm hệ thống đại lý, phân phối sản phẩm của Tổng công ty, các giao dịch mua bán đúng quy định, đúng điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp (công ty con) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có

VI. Kết quả giám sát tình hình hoạt động, tài chính của Tổng công ty và công tác thẩm định BCTC:

- Phối hợp cùng đoàn kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng Kiểm tra giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2019 của TCT và có các kiến nghị;
- Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định BCTC quý/6 tháng và BCTC năm 2020 của Tổng công ty theo kế hoạch đề ra. Về cơ bản BCTC đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty; việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. BCTC đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên phê chuẩn. Qua thẩm định BCTC Ban Kiểm soát đã có ý kiến nhận xét, kiến nghị để HĐQT và TGD điều chỉnh số liệu cho phù hợp.

VII. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác:

Hội đồng quản trị phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực, thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền đề HĐQT ra quyết định, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc TCT triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công, tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh

bạch trong công tác quản trị. Cùng với Ban điều hành chỉ đạo và thực hiện tốt nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định điều hành kịp thời thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

VIII. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông:

Các kiến nghị, góp ý của Ban Kiểm soát Ban điều hành chỉ đạo các Ban chức năng thực hiện và có trả lời bằng văn bản, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Tổng công ty, được mời họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp phối hợp hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt.

IX. Kiến nghị:

Với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay Ban Kiểm soát đề nghị Tổng công ty đẩy mạnh thực hiện công tác xây dựng tái cơ cấu tổng thể mô hình tổ chức hoạt động Tổng Công ty giai đoạn 2020-2025, khẩn trương rà soát xác định chức năng nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến công tác tổ chức khối Văn phòng Tổng công ty, Nhà máy đạm Phú Mỹ, xây dựng phương án tổ chức cơ cấu các Công ty vùng miền.

Tổ hợp dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học và dự án Nâng công suất xưởng NH₃ của NMĐ Phú Mỹ đã đưa vào sử dụng và vận hành thương mại từ tháng 8 năm 2018 và tháng 9 năm 2019, Đề nghị Tổng công ty đẩy mạnh công tác tư vấn, đánh giá, giải quyết xử lý các tồn đọng, thực hiện quyết toán chính thức dự án hoàn thành theo quy định.

X. Kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát năm 2021 của Ban Kiểm soát:

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát năm 2021;
- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2021 đã được Đại Hội Đồng cổ đông phê duyệt, chú trọng kiểm tra giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý giá thành sản xuất, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí bán hàng;
- Thực hiện và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;
- Nâng cao vai trò của Ban Kiểm soát trong việc giám sát các hoạt động quản lý và điều hành Tổng Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- Nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát và cảnh báo rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài chính tại các Công ty liên doanh, liên kết;
- Giám sát việc bảo toàn vốn của cổ đông.

XI. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán:

Ban Kiểm soát đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty Ernst and Young, và Công ty Pricewaterhouse&Cooper thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021.

Phần 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THỪNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2020:

Kế hoạch Ngân sách 2020 được ĐHĐCĐ thông qua: 7.884 triệu đồng (*số tạm tính, việc xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện năm 2020 sẽ được thực hiện theo quy định của Nhà nước*). Kết quả thực hiện năm 2020 (thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXD ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội) như sau:

ĐV tính: triệu đồng

TT	Họ & tên	Chức danh	Tiền lương/Phụ cấp	Tiền thưởng	Tổng thu nhập	Ghi chú
I.	Hội đồng quản trị		5.324	618	5.948	
1	Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	1.326	166	1.491	
2	Lê Cự Tân	TV HĐQT kiêm TGD	1.313	164	1.477	
3	Dương Trí Hội	TV HĐQT	1.150	144	1.294	
4	Nguyễn Hồng Vinh	TBV HĐQT	320	40	360	Nghỉ hưu từ 01/5/2020
5	Trịnh Văn Khiêm	TV HĐQT	558	71	636	Giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 16/6/2020
6	Tạ Quang Huy	TV HĐQT độc lập (chuyên trách)	269	34	303	Giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 30/9/2020
7	Louis T Nguyễn	TV HĐQT không chuyên trách	239	-	239	
8	Lê Minh Hồng	TV HĐQT không chuyên trách	149	-	149	Thôi giữ chức từ 30/9/2020
II.	Ban Kiểm soát:		2.304	262	2.566	
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban Kiểm soát	1.150	144	1.294	
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban Kiểm soát	946	118	1.065	
3	Lương Phương	TV.BKS không chuyên trách	207	-	207	
	Tổng cộng		7.627	880	8.514	

II. Kế hoạch về tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2021:

Năm 2021, PVFCCo tiếp tục áp dụng quản lý tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS Tổng Công ty theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-LĐTBXH. Căn cứ theo tình hình thực hiện năm 2020 và KH SXKD năm 2021, vì vậy PVFCCo xây dựng KH Quỹ lương, thù lao, thưởng của HĐQT, BKS 2021 như sau:

- Quỹ lương, thù lao, thưởng của HĐQT, BKS (tạm tính): **7.046 triệu đồng.**

- Dự phòng 10%: **705 triệu đồng.**

- Tổng gộp: **7.751 triệu đồng.**

Kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Vinh

Phần 8 – TỜ TRÌNH VỀ VIỆC MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BÁO CÁO CÔNG TÁC BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
 Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty như sau:

Hội đồng quản trị (HĐQT) sau kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường 2020 có 06 thành viên. Trong thời gian chuẩn bị kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cổ đông nắm giữ 59,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty có văn bản đề nghị ĐHĐCĐ xem xét miễn nhiệm trước thời hạn 02 thành viên HĐQT đương nhiệm do PVN đề cử:

- Miễn nhiệm ông Nguyễn Tiến Vinh, thành viên HĐQT là Người đại diện phần vốn của PVN, với lý do điều động công tác theo yêu cầu của PVN;
- Miễn nhiệm ông Tạ Quang Huy, thành viên HĐQT do PVN đề cử, với lý do để bố trí công tác cán bộ của PVN và PVFCCo.

Theo quy định của Điều lệ TCT hiện hành, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với các thành viên HĐQT nêu trên.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Vinh

HƯỚNG DẪN BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Nội dung hướng dẫn bầu cử này đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (“Tổng công ty”) thống nhất thông qua theo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), được tổng hợp để hướng dẫn việc bầu thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS) tại phiên họp ĐHĐCĐ, với các quy định sau:

1. Nguyên tắc bầu cử và quyền bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1.1. Nguyên tắc

Việc bầu cử thành viên HDQT, BKS được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp và chứng khoán tại Việt Nam;
- Tuân thủ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty;
- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

1.2. Người có quyền bầu cử

Người có quyền bầu cử tại ĐHĐCĐ là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền dự họp (*theo danh sách cổ đông Tổng công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập*) có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ.

2. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HDQT

2.1. Số lượng thành viên HDQT

Số lượng thành viên HDQT được bầu tại kỳ họp thường niên 2021: 02 thành viên.

2.2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HDQT

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
- Thành viên HDQT Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên HDQT của công ty khác;

2.3. Điều kiện đề cử, tự ứng cử thành viên HDQT, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên HDQT

2.3.1. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HDQT

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HDQT phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HDQT tại điểm 2.2 nêu trên và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần của Tổng công ty đề cử.
- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ theo quy định.

2.3.2. Số lượng ứng cử viên HDQT

Số lượng ứng cử viên để bầu vào HDQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo ít nhất bằng số thành viên HDQT cần bầu.

2.3.3. Tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT

Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng ứng cử viên tối thiểu, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

3. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên BKS

3.1. Số lượng kiểm soát viên

Số lượng kiểm soát viên cần bầu lại tại kỳ họp thường niên 2021: 01 thành viên.

3.2. Điều kiện và tiêu chuẩn kiểm soát viên

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

3.3. Đề cử, ứng cử KSV, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS

3.3.1. Điều kiện tự ứng cử, được đề cử KSV

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện KSV và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần của Tổng công ty đề cử.
- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ đề cử/ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

3.3.2. Số lượng ứng cử viên:

Ứng cử viên để bầu vào BKS (bao gồm các cổ đông có đủ điều kiện tự ứng cử và các ứng cử viên được cổ đông đề cử) phải đảm bảo số lượng ít nhất bằng số KSV dự kiến được bầu vào BKS.

3.3.3. Tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS

Tại ngày hạn chót nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng ứng cử viên tối thiểu, HĐQT thông báo cho BKS đương nhiệm đề BKS đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của KSV.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

4. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT/BKS

4.1. Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT/BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử tham gia HĐQT/BKS có nội dung cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT/BKS một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT (theo mẫu đính kèm);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm);
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
- Bản sao có công chứng: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp trình độ chuyên môn;

3.2. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT/BKS

Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Tổng công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ theo thông báo của Tổng công ty.

Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT/BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ.

4. Phương thức bầu cử

Việc bầu cử thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể như sau:

- Mỗi cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên dự kiến được bầu vào HĐQT/BKS;
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho số ứng cử viên không quá số lượng thành viên HĐQT/BKS cần bầu.

5. Cách thức tiến hành bầu cử

5.1. Phiếu bầu cử

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một Phiếu bầu cử thành viên HĐQT/BKS (“Phiếu bầu cử”), trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS, danh sách các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT/BKS. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số cổ đông và số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu để được điều chỉnh lại.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải sử dụng phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn của Ban Tổ chức phát được đóng dấu treo của Tổng công ty.

5.2. Cách ghi phiếu bầu

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền điền số “0” hoặc bỏ trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.
- Trường hợp cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử.

5.3. Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử

- a. Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi:
 - Sử dụng phiếu bầu do Ban Tổ chức phát có đóng dấu treo của Tổng công ty; và
 - Bầu cho những ứng viên HĐQT/BKS có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc phiếu trắng; và
 - Phiếu bầu không bị tẩy xóa, cạo sửa.
- b. Phiếu bầu không hợp lệ: Phiếu bầu được xem là không hợp lệ nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
 - Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
 - Phiếu bầu cử không có đóng dấu tròn của Tổng công ty;
 - Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đó được quyền bầu;
 - Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

6. Ban kiểm phiếu, trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu

6.1. Ban Kiểm phiếu

- a. Ban kiểm phiếu gồm có 5 người, do Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT, BKS.
- b. Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:
 - Hướng dẫn tóm tắt quy định về bầu cử;
 - Phát phiếu bầu cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông;
 - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
 - Tổ chức kiểm phiếu;
 - Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;
 - Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa;

- c. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước ĐHĐCĐ.

6.2. Trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Tổ chức sẽ chuẩn bị các thùng phiếu. Ban Kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT/BKS

- Số người trúng cử thành viên HĐQT/BKS là người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

Công thức: Tỷ lệ phiếu bầu = (Tổng số phiếu được bầu cho ứng cử viên/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp) x 100%

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt điều kiện trúng cử có cùng số phiếu bầu như nhau, mà phải chọn số người trúng cử ít hơn thì việc chọn ứng cử viên trúng cử theo nguyên tắc sau: Ứng cử viên nào được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần cao hơn sẽ là ứng cử viên trúng cử.

8. Giải quyết khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

- Trong trường hợp cổ đông khiếu nại hoặc yêu cầu kiểm tra lại kết quả bầu cử, Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Việc trả lời và giải quyết những khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ./.

BÁO CÁO TỔNG HỢP DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) Tổng công ty như sau:

HĐQT hiện tại có 06 thành viên và BKS có 03 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trong số các thành viên HĐQT và BKS đương nhiệm, có các thành viên sau sẽ hết nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày được bầu:

- Ông Louis T Nguyễn: Thành viên HĐQT được bầu vào HĐQT ngày 28/04/2016;
- Ông Huỳnh Kim Nhân: Thành viên BKS được bầu vào BKS ngày 28/04/2016.

Đồng thời, theo nội dung Tờ trình miễn nhiệm trước thời hạn đối với 02 thành viên HĐQT khác, HĐQT trình ĐHĐCĐ biểu quyết miễn nhiệm ông Nguyễn Tiến Vinh và ông Tạ Quang Huy.

Căn cứ quy định của Điều lệ TCT hiện hành và nhu cầu công tác của HĐQT và BKS, HĐQT đề xuất nội dung bầu 02 thành viên HĐQT và 01 thành viên BKS trong chương trình nghị sự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua để HĐQT và BKS tuân thủ số lượng thành viên theo quy định của Điều lệ. HĐQT xin báo cáo tình hình tổng hợp danh sách ứng cử viên hợp lệ do các cổ đông đề cử như sau:

1. Ứng cử viên vào HĐQT:

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), cổ đông nắm giữ 59,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty giới thiệu các nhân sự tham gia HĐQT gồm:

- Đề cử ông Hoàng Trọng Dũng, sinh năm 1973, hiện là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP, Người đại diện phần vốn của PVN tham gia HĐQT Tổng công ty;
- Đồng ý đề cử ông Louis T Nguyễn, sinh năm 1963, hiện là Thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty, tiếp tục ứng cử làm thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty.

2. Ứng cử viên vào BKS:

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), cổ đông nắm giữ 59,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty giới thiệu các nhân sự tham gia BKS gồm:

- Tiếp tục đề cử ông Huỳnh Kim Nhân, sinh năm 1976, hiện là Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty, được giới thiệu tái ứng cử vào BKS Tổng công ty.

Chiếu theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, ứng cử viên nêu trên đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách bầu cử HĐQT, BKS. Đồng thời số lượng 02 ứng cử viên HĐQT và 01 ứng cử viên BKS đáp ứng yêu cầu số lượng tối thiểu để bầu bổ sung thành viên vào HĐQT, BKS tại kỳ họp này.

Xin công bố đến Đại hội đồng cổ đông Danh sách bầu cử thành viên HĐQT, BKS như trên, kính đề nghị quý Cổ đông nghiên cứu hướng dẫn về bầu cử trong Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, thông tin lý lịch của ứng cử viên và tiến hành thủ tục bỏ phiếu bầu cử.

THÔNG TIN TRÍCH NGANG LÝ LỊCH ỨNG CỬ VIÊN

I. Ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **Hoàng Trọng Dũng**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/09/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hóa, Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1997 đến năm 2001: Kỹ sư vận hành, Trưởng ca Vận hành, Thư ký Phó Tổng Giám đốc Công ty chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí
 - + Từ tháng 05 năm 2001 đến tháng 12 năm 2005: Tổ trưởng Tổ Công nghệ, Phó phòng phụ trách phòng Nghiệm thu chạy thử Ban QLDA Đạm Phú Mỹ
 - + Từ tháng 12 năm 2005 đến tháng 02 năm 2008: Chuyên viên Ban Chế biến Dầu khí - PVN
 - + Từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 03 năm 2011: Phó Trưởng ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau, UVBCH Đảng bộ Ban QLDA
 - + Từ tháng 03 năm 2011 đến tháng 12 năm 2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau và sau đó là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;
 - + Từ tháng 12/2018 đến nay: Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP (PVChem).
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP (PVChem);
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

2. Họ và tên: **Louis T Nguyen**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/04/1963
- Quốc tịch: Hoa Kỳ
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học chuyên ngành kế toán, Đại học San Jose State University, Hoa Kỳ
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2003-2005: Người sáng lập, IDG Ventures Vietnam
 - + Từ 2005-2007: Giám đốc điều hành VINACAPITAL
 - + Từ 2007- nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ đầu tư Saigon Asset Management (SAM)
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ đầu tư Saigon Asset Management;
- Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT độc lập Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP.

II. Ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát:

1. Họ và tên: **Huỳnh Kim Nhân**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/11/1976

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, Thạc sĩ QTKD.
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 9/1998-5/2004: Chuyên viên Kế toán - Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí (PVEng) – Tập đoàn Dầu khí QG Việt Nam (PVN).
 - + Từ tháng 5/2004-6/2007: Chuyên viên kế toán tổng hợp & Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) - PVN.
 - + Từ tháng 6/2007 đến tháng 4/2016 - Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo).
 - + Từ tháng 4/2016 đến nay – Trưởng Ban kiểm soát - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo).
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Phần 9 – TỜ TRÌNH THÔNG QUA CÁC DỰ THẢO VĂN BẢN

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v thông qua Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản trị đối với công ty đại chúng;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua Dự thảo Điều lệ Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP;
2. Phê duyệt Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty;
3. Phê duyệt Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Các dự thảo văn bản nêu trên (như đính kèm) đã được Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty chỉ đạo soạn thảo căn cứ điều lệ mẫu và quy chế mẫu ban hành tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản trị đối với công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ban hành Điều lệ Tổng công ty, phê duyệt nội dung để Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Vinh

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY

(Đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành lại theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ)

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần tại phiên họp thường niên tổ chức vào ngày 27 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần.
 - b. “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
 - c. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Tổng công ty.
 - d. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.
 - e. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - f. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (ngày 31 tháng 8 năm 2007).
 - g. “Người quản lý/cán bộ quản lý Tổng công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc.
 - h. “Người điều hành/cán bộ điều hành Tổng công ty” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
 - i. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
 - j. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
 - k. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định theo Luật Chứng khoán.
 - l. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời hạn điều chỉnh (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - m. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. **Tên hợp pháp của Tổng công ty bằng tiếng Việt là:**

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên tiếng Anh là:

PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS CORPORATION

Tên viết tắt của Tổng công ty là: **PVFCCo**

2. **Hình thức:**

- a. Tổng công ty được thành lập bằng hình thức công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- b. Tổng công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam; có con dấu riêng, độc lập về tài sản, tự chủ về tài chính, được mở tài khoản trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật; có Điều lệ Tổng công ty; chịu trách nhiệm hữu hạn về tài chính đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn Điều lệ; là pháp nhân thừa kế duy nhất quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty Phân đạm và Hoá chất Dầu khí.

3. **Trụ sở:**

Trụ sở chính : Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : 84-28-38 25 62 58

Fax : 84-28-38 25 62 69

Website : www.dpm.vn

4. **Các chi nhánh và đơn vị trực thuộc:**

Tổng công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc khác tại lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt/ban hành.

5. **Các công ty con:**

Tổng công ty với tư cách là công ty mẹ sẽ tham gia thành lập, mua cổ phần hoặc góp vốn vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. **Thời hạn hoạt động:**

Là vô hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

7. **Logo của Tổng công ty:**

Logo của Tổng công ty được thiết kế theo quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại “Quy chế Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”. Logo là một hình chữ nhật đứng gồm hai phần. Phần trên là logo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với hình ngọn lửa hai nhánh màu đỏ và dòng chữ PETROVIETNAM màu trắng; phần dưới nền trắng có hàng chữ PVFCCo màu đỏ.



Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty:
 - a. Sản xuất phân bón, amoniac lỏng;
 - b. Kinh doanh phân bón, amoniac lỏng, khí công nghiệp và các sản phẩm hóa chất khác (bán buôn);
 - c. Các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hoá chất có liên quan;
 - d. Sản xuất và kinh doanh điện;
 - e. Kinh doanh bất động sản;
 - f. Mua bán hàng nông – lâm sản;
 - g. Chế biến các sản phẩm dầu khí;
 - h. Chế biến khoáng sản;
 - i. Đào tạo nghề;
 - j. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
 - k. Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
 - l. Lưu giữ hàng hóa;
 - m. Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
 - n. Sản xuất khí công nghiệp;
 - o. Kinh doanh phân bón, amoniac lỏng, khí công nghiệp và các sản phẩm hóa chất khác (bán lẻ);
 - p. Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng, điều phối của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Mục tiêu của Tổng công ty:

Tổng công ty được thành lập để huy động mới và sử dụng các nguồn lực sẵn có trong việc phát triển sản xuất - kinh doanh phân bón, hóa chất và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu tạo ra lợi nhuận, tạo việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Tổng công ty là công ty mẹ trong một nhóm công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, một tổ hợp doanh nghiệp mạnh, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính, trong đó sản xuất kinh doanh phân bón, hóa chất (chủ yếu là hóa dầu) giữ vai trò chủ đạo, phấn đấu trở thành nhà sản xuất và phân phối phân bón và hóa chất đứng đầu trong cả nước và hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Tổng công ty tham gia thành lập, mua cổ phần và góp vốn với tư cách là công ty mẹ vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác, có quan hệ gắn bó lâu dài với Tổng công ty về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường của Tổng công ty cũng như các hoạt động kinh doanh khác.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 3.914.000.000.000 VND (Ba nghìn chín trăm mười bốn tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 391.400.000 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.
2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này lần đầu đều là cổ phần phổ thông.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Tổng công ty áp dụng mô hình cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;
 - h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 115 và điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cần bầu tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, tối đa bằng với số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cần bầu. Trường hợp tổng số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên cần được bầu thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty;
4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau tùy theo thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
8. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty/cơ quan có thẩm quyền về lưu ký chứng khoán để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông;
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức họp mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp

thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng, chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e. Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - j. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m. Phê duyệt các giao dịch, hợp đồng giữa Tổng công ty với các người có liên quan theo quy định của pháp luật.
 - n. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ

ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp

Cổ đông Tổng công ty là tổ chức có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân làm đại diện phần vốn cho số cổ phần của cổ đông tại Tổng công ty, bao gồm việc tham dự, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Số lượng người được ủy quyền không vượt quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp cổ đông có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện, hoặc những người đại diện phải thỏa thuận để phân công cho một người đại diện thay mặt những người đại diện để biểu quyết với toàn bộ số phiếu biểu quyết của cổ đông.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Ngày lập danh sách cổ đông là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo thông báo của cơ quan lưu ký chứng khoán trong trường hợp cổ phiếu của Tổng công ty được lưu ký tập trung và niêm yết trên thị trường chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 6 điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông được xác định tham dự cuộc họp bao gồm những người: Có mặt tại cuộc họp; Tham dự cuộc họp thông qua hệ thống trực tuyến; Tham dự cuộc họp bằng hình thức bỏ phiếu từ xa.
- 2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải

được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
5. Theo đề nghị Chủ tọa tại buổi họp, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 5 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết chung và một phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Mỗi nội dung/vấn đề xin biểu quyết trên phiếu biểu quyết sẽ được thể hiện riêng rẽ với từng lựa chọn tán thành, không tán thành và không ý kiến để cổ đông biểu quyết riêng cho từng nội dung. Trong trường hợp có bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên thì được cấp phiếu bầu cử tương ứng;
 - b. Để đảm bảo thời gian và chương trình nghị sự, Chủ tọa cuộc họp có thể tiến hành khai mạc cuộc họp khi số phiếu biểu quyết của số cổ đông đến dự họp đã đăng ký đạt tỷ lệ cần thiết theo quy định và đến thời điểm theo chương trình họp. Các cổ đông đến muộn tiếp tục được đăng ký tham dự sau thời điểm khai mạc;
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu: Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách và số thành viên của ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ngoài ra, để đảm bảo cho việc kiểm phiếu biểu quyết được chính xác, nhanh chóng, Tổng công ty có thể thiết kế và áp dụng phiếu biểu quyết phù hợp với việc ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin với sự bảo đảm rằng cổ đông thực hiện được việc lựa chọn phương án biểu quyết riêng cho từng vấn đề xin ý kiến thông qua tại cuộc họp. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo hoặc yêu cầu Ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi kiểm phiếu biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này được biểu quyết thông qua bằng số phiếu biểu quyết của cổ đông và được thông qua theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này. Các vấn đề khác mà Đại hội đồng cổ đông quyết định trong điều hành cuộc họp được biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ thẻ hoặc giơ tay và được thông qua theo nguyên tắc đa số.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng giải pháp công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định. Theo đó, Hội đồng quản trị xây dựng, thông qua quy chế để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và tổ chức lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản theo phương thức trực tuyến, phương thức kết hợp họp trực tiếp/trực tuyến và phương thức để cổ đông tham dự và biểu quyết từ xa trên cơ sở quy định của

pháp luật, nền tảng kỹ thuật/công nghệ phù hợp và đảm bảo tuân thủ Điều lệ này về các nguyên tắc cơ bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nguyên tắc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Điều 20. Hình thức thông qua quyết định tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền tùy chọn bằng hình thức lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông tham dự cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền.
2. Trong trường hợp thông qua tại cuộc họp theo phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến những nội dung sau đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự cuộc họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự cuộc họp tán thành.
4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty, của người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có quy định khác về thời hạn công bố biên bản và nghị quyết thì tuân thủ theo quy định đó.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
 5. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
 - b. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 - c. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 22 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty (nếu có);
 - f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
Các thông tin khác (nếu có).;
 - g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến bảy (07) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm kể từ khi được bầu vào Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Xác định thời gian nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bắt đầu từ ngày được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị và chấm dứt đương nhiên vào ngày quá thời hạn nhiệm kỳ (ngày sau 5 năm) kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ; hoặc chấm dứt vào thời điểm khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quy định tại các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều này.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật liên quan khi Tổng công ty là công ty đại chúng và công ty niêm yết.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
7. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
8. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Có ý cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị.
9. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.
10. Tại thời điểm chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền thông qua nghị quyết về việc chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị từ thời điểm quyết nghị, trong các trường hợp:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị có ý cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức/từ nhiệm gửi tới Hội đồng quản trị;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ. Trong trường hợp này thành viên Hội đồng quản trị có quyết định nghỉ hưu đồng thời đương nhiên được miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
11. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chính thức đối với các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d khoản 10 Điều này tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thời điểm miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị được tính từ thời điểm Hội đồng quản trị quyết định chấm dứt tư cách thành viên của thành viên Hội đồng quản trị đó. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không thông qua, thành viên Hội đồng quản trị liên quan tiếp tục có tư cách thành viên Hội đồng quản trị kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông quyết nghị. Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp được chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị tại khoản 10 Điều này có nghĩa vụ chấp hành nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định các chiến lược bộ phận về phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ...;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, và hợp đồng, giao dịch không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ quản lý khác trực thuộc Hội đồng quản trị; quyết định chính sách tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện phần vốn và người đại diện khác tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác có vốn góp đầu tư của Tổng công ty;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán/Bộ phận kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Chế độ tiền lương, thưởng, thù lao, phụ cấp và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Tổng công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, phụ cấp, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên hoạt động không chuyên trách hưởng thù lao công việc. Thành viên hoạt động chuyên trách hưởng lương hoặc phụ cấp đặc thù. Tổng mức thù lao, phụ cấp, tiền lương cho

Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc phân bổ thù lao và quy định mức lương, phụ cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo quy chế/chính sách do Hội đồng quản trị ban hành.

3. Hội đồng quản trị được hưởng tiền thưởng thành tích theo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Tổng công ty nếu đạt và vượt mức kế hoạch. Tổng quỹ thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc phân bổ tiền thưởng cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo quy chế/chính sách do Hội đồng quản trị ban hành.
4. Thù lao, tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành trong bộ máy điều hành của Tổng công ty được hưởng lương theo chức danh chuyên trách tại bộ máy điều hành. Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện

pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trong trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng bắt đầu nhiệm kỳ trong một kỳ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử các thành viên Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trong trường hợp khác, việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 4, khoản 5 Điều 28 Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 13. Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định hoặc nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nghị quyết và các văn bản thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết và các văn bản này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp và biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp và lấy ý kiến đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi văn bản. Biên bản họp, tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thư ký cuộc họp, trừ trường hợp quy định khác của pháp luật.
 15. Những người được Hội đồng quản trị mời họp dự thính: Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Tổng công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm.
5. Thư ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị tổng công ty;
 - d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - g. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc tuyển dụng/thuê một người khác để bổ nhiệm làm Tổng giám đốc. Trong trường hợp tuyển dụng/thuê Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng tuyển dụng/thuê Tổng giám đốc. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Kiến nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các phó tổng giám đốc, kế toán trưởng Tổng công ty;
 - g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - h. Tuyển dụng lao động theo kế hoạch định biên lao động hàng năm được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - i. Hàng năm, Tổng giám đốc phải xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu chiến lược, kế hoạch dài hạn;
 - j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
 - l. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị là người bị miễn nhiệm) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - c. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - d. Trình độ chuyên môn;
 - e. Quá trình công tác;
 - f. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh tại các công ty khác);
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
Các thông tin khác (nếu có);
 - i. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 5. Ban kiểm soát xem xét, quyết định việc chấm dứt tư cách Kiểm soát viên đối với Kiểm soát viên trong các trường hợp:
 - a. Kiểm soát viên đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ;
 - b. Kiểm soát viên không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm soát viên không tham gia các hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Kiểm soát viên cố ý cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng cử viên Ban kiểm soát;
 - e. Kiểm soát viên có đơn từ chức/từ nhiệm gửi tới Ban kiểm soát.
- 6. Ban kiểm soát đề xuất để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp nêu tại khoản 5 Điều này tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thời điểm miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Kiểm soát viên được tính từ thời điểm Ban kiểm soát quyết định chấm dứt tư cách của Kiểm soát viên đó. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không thông qua, Kiểm soát viên liên quan tiếp tục có tư cách Kiểm soát viên trừ trường hợp tại điểm a, khoản 5 Điều này.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
2. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
6. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Kiểm soát viên hoạt động không chuyên trách hưởng thù lao công việc và Kiểm soát viên hoạt động chuyên trách hưởng lương. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý theo các quy chế, quy định liên quan của Tổng công ty.
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này tuân thủ trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường cho những người này theo quy định và theo nhu cầu thực tế của Tổng công ty.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty, quyết định việc trích lập các quỹ phù hợp với quy định của pháp luật từ lợi nhuận sau thuế hàng năm.
2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Hệ thống kế toán Tổng công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Tổng công ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

XVII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.

Điều 52. Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con, công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết.

1. Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với các công ty con, công ty liên kết, tự nguyện tham gia liên kết theo quy định Pháp luật. Điều lệ này, điều lệ của các công ty đó và các quy định khác có liên quan. Quan hệ của Tổng công ty với các công ty con, công ty liên kết được thực hiện thông qua các thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.
2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng công ty và các đơn vị thành viên khác theo thỏa thuận liên kết giữa công ty đó với Tổng công ty.

XVIII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Điều chỉnh thời hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi quyết định điều chỉnh thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc điều chỉnh thời hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được điều chỉnh khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
- a. Cổ đông với Tổng công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu bất cứ bên nào chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 mục, 59 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí thông qua tại kỳ họp ngày tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ kể từ ngày được thông qua.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc của Tổng giám đốc hoặc của tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

(Đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành lại theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (BKS), Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Định nghĩa thuật ngữ

Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Tổng công ty hoặc trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty, có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4.1. Người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp

- a. HĐQT triệu tập cuộc họp thường niên và các cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
- b. BKS thay thế HĐQT để triệu tập cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường nhưng quá thời hạn quy định của Điều lệ Tổng công ty mà HĐQT không triệu tập;
- c. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty triệu tập cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ trong trường hợp có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ nhưng quá thời hạn quy định của Điều lệ Tổng công ty mà HĐQT và/hoặc BKS không triệu tập.

4.2. Quyết định triệu tập cuộc họp

Việc ra quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ tại khoản 3.1 Điều này phải được thực hiện đúng các quy định về tổ chức hoạt động và thẩm quyền của người triệu tập.

Căn cứ quyết định hợp pháp về triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, bộ máy quản lý, điều hành của Tổng công ty có trách nhiệm thành lập Ban Tổ chức để thực hiện các công tác chuẩn bị và tổ chức cuộc họp theo yêu cầu của người có thẩm quyền triệu tập trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

Điều 5. Thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ

5.1. Lập danh sách và thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp

Danh sách cổ đông của Tổng công ty được quản lý tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Căn cứ quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ của người có thẩm quyền, Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc Tổng công ty lập thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp theo đúng quy định của VSD để gửi cho VSD và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE). Ngay sau khi VSD/HOSE chấp thuận nội dung thông báo chốt danh sách cổ đông và HOSE đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của HOSE, thông báo chốt danh sách cổ đông được đăng tải trên website của Tổng công ty.

Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp là ngày lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.

5.2. Thông báo triệu tập họp

Tổng công ty gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ trước ngày họp ít nhất mười (21) ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty. Tùy theo điều kiện thực tế, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định lựa chọn một phương thức, một số phương thức hoặc tất cả các phương thức trong các phương thức gửi thông báo họp sau đây:

- a. Thông báo đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;
- b. Gửi thông báo bằng thư điện tử/dữ liệu điện tử tới địa chỉ thư điện tử hoặc các địa chỉ liên lạc khác của cổ đông qua hệ thống công nghệ thông tin theo thông tin kê khai của cổ đông tại danh sách cổ đông;
- c. Gửi thông báo qua số điện thoại, fax theo thông tin kê khai của cổ đông tại danh sách cổ đông;
- d. Gửi thông báo bằng văn bản tới địa chỉ cư trú/trụ sở theo thông tin kê khai của cổ đông tại danh sách cổ đông.

5.3. Đăng ký dự họp và ủy quyền tham dự họp

Cổ đông có trách nhiệm thông báo trước việc tham dự họp thông qua các hình thức thông tin liên lạc phù hợp theo hướng dẫn cụ thể trong thông báo họp/thư mời họp nhằm giúp cho Ban Tổ chức chuẩn bị tốt công tác tổ chức cuộc họp. Cổ đông đến dự họp tại ngày họp sẽ được Ban Tổ chức hướng dẫn đăng ký dự họp, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu họp và phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.

Cổ đông có quyền trực tiếp dự họp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Thủ tục ủy quyền dự họp được tiến hành theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Tổng công ty và hướng dẫn chi tiết trong thông báo/thư mời họp.

Điều 6. Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ:

Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm xây dựng dự thảo Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ và chuẩn bị tài liệu theo nội dung chương trình họp.

Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị, đề xuất về Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ

Các cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện quy định tại **Điều 18** của Điều lệ Tổng công ty và quy định tương ứng của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 8. Trình tự và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu bầu cử và thông qua biên bản, nghị quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

8.1. Cách thức biểu quyết

a. Thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp

Các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp bao gồm:

- Thông qua chương trình nghị sự của cuộc họp;
- Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu;
- Thông qua Biên bản và nghị quyết cuộc họp.

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề thủ tục trong tổ chức cuộc họp được tiến hành theo phương thức cổ đông giơ tay/giơ thẻ biểu quyết và lấy kết quả theo đa số.

Mỗi cổ đông dự họp sẽ được cấp một Thẻ biểu quyết để sử dụng khi thực hiện biểu quyết thông qua các nội dung trên.

b. Thông qua các quyết định theo thẩm quyền của ĐHĐCĐ

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định (trừ việc bầu cử HĐQT và BKS tại khoản 8.2 Điều này) được thực hiện bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông, với các phương án biểu quyết là **tán thành**, **không tán thành** và **không có ý kiến**.

Tổng công ty áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng và thuận tiện cho các cổ đông. Mỗi cổ đông dự họp sẽ được cấp một (01) phiếu biểu quyết ghi rõ số phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và trên phiếu biểu quyết sẽ ghi riêng rẽ từng hạng mục nội dung báo cáo, trình ĐHĐCĐ thông qua. Cổ đông sẽ chọn phương án biểu quyết riêng cho từng hạng mục.

Cổ đông hoàn tất việc biểu quyết bằng việc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu vào thời điểm theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

8.2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS

Việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện bằng phương thức bầu dồn phiếu. Trong phiếu bầu HĐQT và phiếu bầu BKS có các thông tin về số phiếu bầu của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu, danh sách ứng cử viên hợp lệ, số thành viên được bầu tối đa và nội dung hướng dẫn tóm tắt cách thức bầu dồn phiếu. Cách thức bầu cử được nêu cụ thể và chi tiết trong tài liệu của Ban Tổ chức hướng dẫn bầu cử.

Cổ đông hoàn tất việc bầu cử bằng việc bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu vào thời điểm theo chương trình nghị sự và theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

8.3. Cách thức kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực riêng biệt tại nơi tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ. Ban kiểm phiếu có quyền sử dụng thêm nhân sự giúp việc và áp dụng các giải pháp công nghệ hỗ trợ kiểm phiếu phù hợp, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan của kết quả kiểm phiếu. Trong trường hợp có yêu cầu của cổ đông, Chủ tọa cuộc họp sẽ mời một số cổ đông đại diện tham gia giám sát quá trình thu và kiểm phiếu biểu quyết/bầu cử.

Việc xác định kết quả biểu quyết/bầu cử của ĐHĐCĐ đối với các nội dung liên quan căn cứ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và của pháp luật.

8.4. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu hoàn tất công tác kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo với Chủ tọa về việc đã có kết quả kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp sẽ mời Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể ĐHĐCĐ.

Kết quả kiểm phiếu được công bố công khai trước ĐHĐCĐ là căn cứ để Thư ký cuộc họp đưa vào dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết cuộc họp.

8.5 Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết cuộc họp:

Thư ký cuộc họp trình bày tóm tắt dự thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp theo quy định tại khoản 8.1 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại **Điều 21** Điều lệ Tổng công ty. Trình tự và thủ tục triển khai công tác lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện tương tự quy định tại các Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 7 Quy chế này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến

ĐHĐCĐ giao cho HĐQT trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến trên cơ sở áp dụng các phương thức, giải pháp công nghệ thông tin phù hợp, an toàn, tin cậy và vẫn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, điều kiện quy định chung về cuộc họp ĐHĐCĐ, để áp dụng trong trường hợp cần thiết.

Điều 11. Biên bản họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ theo các hình thức phải được ghi vào biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và tại Quy chế này. Thư ký cuộc họp sử dụng các phương tiện, hình thức phù hợp để ghi lại toàn bộ diễn biến cuộc họp, các ý kiến phát biểu, thảo luận và kết quả thông qua các nội dung quyết định của ĐHĐCĐ. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.

Ngay sau khi bế mạc cuộc họp, Thư ký và Chủ tọa phải hoàn tất thể thức văn bản của biên bản và nghị quyết cuộc họp theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty để công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, việc lập Biên bản tổng hợp ý kiến ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

Biên bản họp và biên bản tổng hợp ý kiến của ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ. Biên bản, danh sách của các cổ đông dự họp, danh sách cổ đông gửi ý kiến bằng văn bản phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT:

HĐQT có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

Thành viên HĐQT có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp và tuân thủ trách nhiệm người quản lý Tổng công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử thành viên HĐQT

13.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty là từ năm (05) đến bảy (07) thành viên, với nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không quá 5 năm.

13.2. Cơ cấu và điều kiện thành viên HĐQT, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

a. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HĐQT

Người ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công. Người được đề cử phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Tổng công ty đề cử.
- Người ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ theo quy định.

b. Số lượng ứng cử viên HĐQT

Số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số thành viên HĐQT dự kiến bầu.

13.3. Cách thức và hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT

Tổng công ty thông báo nội dung bầu cử HĐQT dự kiến tiến hành trong cuộc họp ĐHĐQT, về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và kèm theo các biểu mẫu hồ sơ cần thiết để các cổ đông xem xét thực hiện việc ứng cử, đề cử ứng viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện việc ứng cử, đề cử theo cách thức và hồ sơ như sau:

a. Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT bao gồm:

- Đơn ứng cử tham gia HĐQT có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
- Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

b. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT

Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Tổng công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất mười (10) ngày.

Chỉ những hồ sơ đề cử /ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

c. Tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT

Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số ứng cử viên cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên với các điều kiện như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được báo cáo với ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

13.4. Phương thức bầu cử

Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Mỗi cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên dự kiến được bầu vào HĐQT;
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho một số ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho tối đa số lượng thành viên HĐQT

dự kiến được bầu trên tổng số ứng cử viên HĐQT trong danh sách ứng cử viên.

13.5. Trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Tổ chức chuẩn bị thùng phiếu bầu thành viên HĐQT. Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của ĐHĐCĐ. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật/công nghệ và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

13.6. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

- Số người trúng cử thành viên HĐQT lấy từ người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên dự kiến bầu vào HĐQT.
- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau mà phải chọn số người trúng cử ít hơn thì việc chọn ứng cử viên trúng cử theo nguyên tắc sau: Ứng cử viên nào được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần cao hơn sẽ là ứng cử viên trúng cử.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt tư cách thành viên HĐQT

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và chấm dứt tư cách thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và chấm dứt tư cách thành viên HĐQT tại Điều này phải được thông báo cho cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 15. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT được bầu và bắt đầu nhiệm kỳ thành viên HĐQT tại cùng một thời điểm, Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu tại phiên họp đầu tiên của HĐQT diễn ra sau thời các thành viên được bầu vào HĐQT. Trong các trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch HĐQT do từ chức, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm và trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty, tùy theo yêu cầu thực tế HĐQT tiến hành họp để bầu thành viên HĐQT khác làm Chủ tịch HĐQT hoặc phân công thành viên HĐQT khác đảm trách vai trò, nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT cho đến khi có đủ điều kiện bầu Chủ tịch HĐQT thay thế.

Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, thù lao, phụ cấp và lợi ích khác theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 17. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

- 17.1. HĐQT tiến hành họp định kỳ, bất thường theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.
- 17.2. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Thông báo mời họp và chương trình họp được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất năm (03) ngày trước khi tổ chức cuộc họp.
- 17.3. HĐQT phải được triệu tập họp bất thường khi Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết và/hoặc khi nhận được các đề nghị bằng văn bản của một trong các trường hợp sau:
 - d. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - e. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

- f. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
- 17.4. Cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp quy định tại Khoản 17.3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp và chương trình họp phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp.
- 17.5. Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc do người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của Tổng công ty. Người triệu tập cuộc họp có thể yêu cầu Tổng giám đốc Tổng công ty chuẩn bị các tài liệu, nội dung để xem xét thảo luận tại cuộc họp.

Điều 18. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT

- 18.1. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ nhất chỉ có thể được coi là họp lệ để tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ 3/4 số thành viên HĐQT dự họp hoặc thông qua người được ủy quyền
- 18.2. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 19. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT

- 19.1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Thư ký Tổng công ty.
- 19.2. Người triệu tập họp HĐQT có thể mời thành phần mở rộng ngoài khoản 19.1 Điều này tham dự cuộc họp HĐQT khi cần thiết.
- 19.3. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Tổng công ty, HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở Tổng công ty dự họp.
- 19.4. Những người được mời họp không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến và thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 20. Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp của HĐQT

- 20.1. Chuẩn bị cuộc họp
- Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày tại cuộc họp của HĐQT.
 - Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Tổng công ty, chuẩn bị ý kiến bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.
 - Thư ký Tổng công ty và bộ phận giúp việc HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập họp và gửi tài liệu.
 - Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.
- 20.2. Trình tự tiến hành cuộc họp
- Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp thông báo thành phần, nội dung, chương trình nghị sự cuộc họp.

- Người được phân công báo cáo tại cuộc họp thuyết trình về các nội dung và kiến nghị để HĐQT xem xét, quyết định.
- Các thành viên thảo luận, xem xét các vấn đề theo tài liệu, báo cáo và thuyết trình tại cuộc họp.
- Người chủ trì cuộc họp kết luận và lấy biểu quyết thông qua từng vấn đề thảo luận và nội dung nghị quyết của cuộc họp.
- Thông qua Nghị quyết, Biên bản cuộc họp.
- Chủ tịch HĐQT, Thư ký Tổng công ty ký tên vào Biên bản cuộc họp.

20.3. Gửi ý kiến biểu quyết và ủy quyền tham dự cuộc họp.

Thành viên HĐQT vắng mặt có quyền biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Văn bản ý kiến phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những thành viên HĐQT dự họp.

Trường hợp thành viên HĐQT vắng mặt tại cuộc họp, không gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản mà ủy quyền cho người khác dự họp thì phải có văn bản ủy quyền nêu rõ nội dung ủy quyền cho người được ủy quyền tham dự và biểu quyết và cam kết thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về ý kiến biểu quyết của người được ủy quyền.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của HĐQT

- 21.1. HĐQT thông qua nghị quyết về các vấn đề được đệ trình, trao đổi, thảo luận tại cuộc họp bằng ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT tham dự họp. Chủ tọa cuộc họp HĐQT điều hành và lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT.
- 21.2. Biểu quyết: Chủ tịch HĐQT điều hành lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết, công khai bằng cách giơ tay và kết luận nội dung được HĐQT thông qua căn cứ theo kết quả biểu quyết đa số tán thành trên tổng số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết, thành viên HĐQT gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản và thông qua người được ủy quyền hợp lệ.
- 21.3. Trường hợp nội dung nghị quyết của HĐQT thông qua về giao dịch, hợp đồng giữa Tổng công ty với thành viên HĐQT hoặc bên có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên HĐQT đó sẽ không có quyền biểu quyết. Nghị quyết của HĐQT trong các trường hợp này sẽ được các thành viên HĐQT còn lại biểu quyết thông qua.
- 21.4. Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số trên tổng số thành viên HĐQT dự họp hợp lệ và có quyền biểu quyết (trên 50%). Mỗi thành viên HĐQT có mặt với tư cách cá nhân, thông qua người được ủy quyền hợp lệ hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản có một phiếu biểu quyết với giá trị ngang nhau. Nếu số phiếu biểu quyết tán thành và số phiếu biểu quyết còn lại ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 21.5. Những vấn đề đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị...) để chuyển đến các cá nhân, đơn vị có liên quan để thi hành. Căn cứ vào nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản này.
- 21.6. Các văn bản Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát để theo dõi và giám sát thực hiện; đồng thời được chuyển cho Người công bố thông tin để thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Điều 22. Thông qua các nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- 22.1. Trong trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, các nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số (trên 50%) trên tổng số thành viên HĐQT. Nếu số

phiếu tán thành và số phiếu còn lại ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chủ tịch HĐQT và Thư ký Tổng công ty tổng hợp kết quả kiểm phiếu ý kiến và ghi vào biên bản tổng hợp ý kiến thông qua nghị quyết của HĐQT.

- 22.2. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Việc ban hành các nghị quyết bằng hình thức này tuân theo quy định tại khoản 21.5 và 21.6 Điều 21 Quy chế này.

Điều 23. Biên bản cuộc họp của HĐQT

- 23.1. Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được Thư ký Tổng công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HĐQT. Biên bản cuộc họp của HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đủ chữ ký của Thư ký Tổng công ty và Chủ tịch HĐQT hay người được ủy quyền chủ trì cuộc họp. Biên bản cuộc họp HĐQT là bằng chứng xác thực về những công việc đã tiến hành trong cuộc họp, những nội dung mà HĐQT đã quyết nghị, hoặc những ý kiến bảo lưu của thành viên HĐQT.
- 23.2. Các tài liệu liên quan đến cuộc họp gồm: Biên bản cuộc họp, Nghị quyết, các Quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại Văn phòng HĐQT theo chế độ bảo mật của Tổng công ty.
- 23.3. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc để thực hiện, theo dõi, giám sát.

Điều 24. Người phụ trách quản trị công ty

Tổng công ty bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

BKS có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Tổng công ty.

Kiểm soát có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp và tuân thủ trách nhiệm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Nhiệm kỳ, số lượng và thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử, tổ chức bầu cử Kiểm soát viên

26.1. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên (KSV)

Số lượng KSV theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của KSV là không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

26.2. Điều kiện đề cử, tự ứng cử kiểm soát viên, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS

a. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử vào BKS

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên BKS theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Tổng công ty đề cử.
- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ theo quy định.

b. Số lượng ứng cử viên BKS

Số lượng ứng cử viên để bầu vào BKS do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số Kiểm soát viên dự kiến được bầu vào BKS.

26.3. Cách thức và hồ sơ, thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào BKS

Tổng công ty thông báo nội dung bầu cử BKS dự kiến tiến hành trong cuộc họp ĐHĐCĐ, về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và kèm theo các biểu mẫu hồ sơ cần thiết để các cổ đông xem xét thực hiện việc ứng cử, đề cử ứng viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện việc ứng cử, đề cử theo cách thức và hồ sơ như sau:

a. Hồ sơ đề cử/ứng cử BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử tham gia BKS có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên BKS một cách trung thực nêu được bầu vào BKS;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
- Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

b. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử BKS

Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Tổng công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất mười (10) ngày làm việc.

Chỉ những hồ sơ đề cử /ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là Kiểm soát viên mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

c. Tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS

Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định. Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên với các điều kiện như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được thông báo tại cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

26.4. Phương thức bầu cử, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và nguyên tắc trúng cử

Phương thức bầu cử, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và nguyên tắc trúng cử vào BKS thực hiện tương tự như quy định tại khoản 13.4, khoản 13.5 và khoản 13.6 Điều 13 Quy chế này.

Điều 27. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

27.1. Kiểm soát viên được xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điều 169 Luật Doanh nghiệp;
- Không thực hiện nhiệm vụ liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của BKS;
- Có đơn từ chức.

Việc miễn nhiệm Kiểm soát viên theo khoản 27.1 này do BKS xem xét, quyết định và báo cáo ĐHĐCĐ phê chuẩn tại cuộc họp gần nhất.

27.2. Kiểm soát viên được xem xét bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng đến hoạt động của Tổng công ty, không hoàn thành nhiệm vụ, BKS xem xét và đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc bãi nhiệm tư cách kiểm soát viên.

27.3 Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định hoặc do Kiểm soát viên bị mất tư cách theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty phải được thông báo cho cổ đông và công chúng theo quy định về công bố thông tin của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS

Thành viên BKS được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, thù lao, phụ cấp và lợi ích khác theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 29. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 30. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 30.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;
- 30.2. Là cổ đông sở hữu hoặc đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ của Tổng công ty hoặc người khác có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
- 30.3. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc tham gia chức vụ điều hành ở một doanh nghiệp khác.
- 30.4. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 31. Bổ nhiệm Tổng giám đốc

Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám đốc phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định thông thường của HĐQT.

Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Tổng giám đốc, bao gồm pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, các quy định, quy chế khác của Tổng công ty. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể lập hợp đồng lao động và/hoặc hợp đồng trách nhiệm với Tổng giám đốc để quy định cụ thể.

Điều 32. Miễn nhiệm Tổng giám đốc

32.1. HĐQT miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

- a. Tổng giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 30 Quy chế này;

- b. Tổng giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Tổng giám đốc, hoặc Tổng giám đốc không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục;
 - c. Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Tổng công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Tổng công ty;
 - d. Năng lực điều hành kém khiến Tổng công ty kinh doanh thua lỗ hai (02) năm liên tiếp mà không phải do nguyên nhân khách quan;
 - e. Tổng giám đốc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - f. Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Tổng giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.
- 32.2. Việc miễn nhiệm Tổng giám đốc phải được HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
- 32.3. HĐQT có thể yêu cầu Tổng giám đốc được miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Tổng công ty (nếu có).

Điều 33. Thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ quy định thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc theo các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 34. Tiền lương và lợi ích khác Tổng giám đốc

Tổng giám đốc được hưởng lương và các lợi ích khác theo Điều lệ Tổng công ty và các quy định, chính sách liên quan của Tổng công ty. Tổng công ty có trách nhiệm hạch toán, báo cáo về tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc theo các quy định liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 35. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc

- 35.1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, thực hiện chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc và bộ máy điều hành trong công tác điều hành hoạt động của Tổng công ty, trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. HĐQT thực hiện quyền quản lý, giám sát bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo, thông qua hoạt động giám sát trực tiếp và hoạt động báo cáo của Tổng giám đốc.
- 35.2. HĐQT không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng giám đốc. Hàng năm, HĐQT có kế hoạch làm việc với các Đơn vị thành viên của Tổng công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 35.3. Thông báo cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản:
- a. Thông báo cuộc họp HĐQT và tài liệu họp/tài liệu gửi xin ý kiến thành viên HĐQT được gửi đến các thành phần có quyền dự họp: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên.
 - b. Tổng giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo, hoàn thiện các tài liệu liên quan đến nội dung trình HĐQT xem xét, phê duyệt và các tài liệu khác theo chỉ đạo hoặc theo yêu cầu giám sát của HĐQT.
 - c. Biên bản cuộc họp HĐQT và tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Căn cứ nội dung đã được HĐQT thông qua tại biên bản họp hoặc biên bản tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT, các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của HĐQT được ban hành theo Quy chế về công tác văn thư, đảm bảo nơi nhận gồm có HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và các thành phần liên quan khác nếu có.

- d. Trường hợp Tổng giám đốc và BKS xét thấy HĐQT cần tổ chức cuộc họp để thông qua vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, Tổng giám đốc và BKS gửi văn bản đề nghị tới Chủ tịch HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Điều lệ Tổng công ty. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.
- 35.4. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:
- a. Tổng giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong khi thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty, Tổng giám đốc phải báo cáo với HĐQT để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định trong thẩm quyền của mình thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp Tổng giám đốc có đủ thẩm quyền để triệu tập họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty.
 - b. Trường hợp xảy ra sự cố bất khả kháng dẫn đến việc Tổng công ty không thể thực hiện được và/hoặc gián đoạn việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm giải trình với HĐQT và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các sự cố được coi là bất khả kháng khi là sự cố xảy ra một cách khách quan, ngoài ý muốn, không lường trước được và vượt quá tầm kiểm soát của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.
 - c. Tổng giám đốc kiến nghị lên HĐQT về cơ cấu bộ máy tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ, các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động của Tổng công ty, số lượng và các chức danh cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần thuê để đảm bảo thực hiện hợp lý và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, đạt được các mục tiêu chiến lược của Tổng công ty.
 - d. Tổng giám đốc trình HĐQT vào ngày 30 tháng 11 hàng năm kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo để HĐQT xem xét phê chuẩn.
 - e. Tổng giám đốc lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật khác có liên quan. Báo cáo tài chính hàng năm phải kèm theo kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - f. Tổng giám đốc gửi/sao gửi HĐQT các tài liệu và báo cáo định kỳ theo các quy chế, quy định liên quan và theo yêu cầu của HĐQT.
 - g. Tổng giám đốc chỉ đạo bộ máy điều hành chuẩn bị dự thảo tài liệu liên quan đến nội dung của các kỳ họp HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.
 - h. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- 35.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc:
- a. Tại các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, cập nhật tình hình, tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT giao, tình hình, tiến độ thực hiện các nội dung khác theo các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo, nội dung ủy quyền của HĐQT.
 - b. Ngoài việc báo cáo tình hình thực hiện theo điểm a khoản này, trong trường hợp cần thiết và theo chỉ đạo của HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT về nội dung liên quan theo yêu cầu.
- 35.6. Cung cấp thông tin cho HĐQT, BKS: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin về công tác quản lý, điều hành kinh doanh của Tổng công ty cho HĐQT, BKS bao gồm các báo cáo định kỳ, báo cáo theo vấn đề, báo cáo theo yêu cầu. Các văn bản báo cáo, cung cấp thông tin gửi HĐQT/BKS cần được sao gửi đồng thời cho BKS/HĐQT.
- 35.7. HĐQT tôn trọng quyền của BKS trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành Tổng công ty, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo

tài chính của Tổng công ty theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- 35.8. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc khiếm khuyết trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- 35.9. BKS thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính của Tổng công ty, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Điều 36. Quan hệ công việc giữa BKS với bộ máy điều hành

- 36.1. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- 36.2. Với các đơn vị thành viên và Kiểm soát viên/BKS tại các đơn vị thành viên.

Quan hệ công việc về công tác kiểm tra, giám sát giữa BKS với các đơn vị thành viên và Kiểm soát viên/Ban kiểm soát tại các đơn vị thành viên thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản lý tài chính Tổng công ty, Quy chế người đại diện của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và các quy chế, quy định liên quan khác.

CHƯƠNG VII

CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 37. Cơ chế đánh giá hoạt động quản trị Tổng công ty, khen thưởng và kỷ luật

37.1. Đánh giá hoạt động:

HĐQT xây dựng và ban hành cơ chế đánh giá hoạt động quản trị Tổng công ty áp dụng đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Tổng giám đốc xây dựng và ban hành cơ chế đánh giá hoạt động quản trị Tổng công ty áp dụng đối với các cán bộ quản lý khác.

37.2. Khen thưởng, kỷ luật:

Công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật áp dụng đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được thực hiện theo quy định của Tổng công ty và các văn bản có liên quan của nhà nước.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

- 38.1. HĐQT, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.
- 38.2. Đơn vị hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị thi hành kỷ luật với các hình thức tương xứng theo quy định hiện hành của Tổng công ty.

Điều 39. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

Quy chế này sẽ được sửa đổi, bổ sung theo quyết định thông qua của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên hoặc khi có sự điều chỉnh khác của pháp luật về những nội dung có liên quan.

Điều 40. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành và thay thế cho Quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành trước đây. Các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, các đơn vị thành viên, trực thuộc Tổng công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này./.

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đề xuất thông qua để ban hành theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, Tổng công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin:

a) Đối với các thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty được lập theo các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo năm theo các quy định, quy chế liên quan trong Tổng công ty, Tổng giám đốc/người được Tổng giám đốc ủy quyền lập báo cáo có trách nhiệm sao gửi đồng thời cho các thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm hoàn thành và phát hành báo cáo, tài liệu.

b) Đối với các thông tin, tài liệu khác về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty, nếu thấy cần thiết và có nhu cầu, các thành viên Hội đồng quản trị gửi yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu đến Tổng giám đốc hoặc người quản lý, người điều hành khác. Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian hợp lý. Hình thức gửi yêu cầu và gửi thông tin, tài liệu bằng văn bản, bao gồm cả các hình thức trao đổi thông tin điện tử.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 07 thành viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản trị đối với công ty đại chúng, niêm yết.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
- d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị, tối đa bằng với số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì ứng cử viên do nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần lớn hơn được lựa chọn trúng cử.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định các chiến lược bộ phận về phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ...;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ quản lý khác trực thuộc Hội đồng quản trị; quyết định chính sách tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện phần vốn và người đại diện khác tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác có vốn góp đầu tư của Tổng công ty;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán/bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối

thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trong trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng bắt đầu nhiệm kỳ trong một kỳ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử các thành viên Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trong trường hợp khác, việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 4, khoản 5 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty.
 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, phụ cấp, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên hoạt động không chuyên trách hưởng thù lao công việc. Thành viên hoạt động chuyên trách hưởng lương hoặc phụ cấp đặc thù. Tổng mức thù lao, phụ cấp, tiền lương cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc phân bổ thù lao và quy định mức lương, phụ cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo quy chế/chính sách do Hội đồng quản trị ban hành.
3. Hội đồng quản trị được hưởng tiền thưởng thành tích theo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Tổng công ty nếu đạt và vượt mức kế hoạch. Tổng quỹ thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc phân bổ tiền thưởng cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo quy chế/chính sách do Hội đồng quản trị ban hành.
4. Tổng số tiền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành trong bộ máy điều hành của Tổng công ty được hưởng lương theo chức danh chuyên trách tại bộ máy điều hành. Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo

từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản trị đối với công ty đại chúng;

Ban kiểm soát Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông: Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty;

Dự thảo văn bản nêu trên (như đính kèm) đã được Ban kiểm soát Tổng công ty soạn thảo căn cứ quy chế mẫu ban hành tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản trị đối với công ty đại chúng.

Ban kiểm soát xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt nội dung Dự thảo Quy chế để Ban kiểm soát ban hành.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Huỳnh Kim Nhân

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Đề xuất thông qua để ban hành theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ TCT, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của TCT và cổ đông của TCT.
3. Trung thành với lợi ích của TCT và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của TCT để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ TCT.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho TCT hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho TCT.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của TCT.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục

thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của TCT;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý TCT, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của TCT, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của TCT;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của TCT trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ TCT.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của TCT và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại TCT.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ TCT có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).
2. Trưởng ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ TCT quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ TCT không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị TCT và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ TCT. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ TCT.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ TCT;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, TCT phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của TCT để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới TCT và các bên có liên quan của TCT;
 - e) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ TCT;
 - g) TCT phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành TCT.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thông kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của TCT, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của TCT.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của TCT, công việc quản lý, điều hành hoạt động của TCT khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của TCT.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của TCT.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của TCT.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của TCT để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của TCT theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của TCT; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của TCT khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính TCT, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ TCT của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ TCT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do TCT phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của TCT lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của TCT trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của TCT theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho TCT.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được TCT hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của TCT, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của TCT.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa TCT, công ty con, công ty khác do TCT nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa TCT với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của TCT; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của TCT khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của TCT theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của TCT.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của TCT phải kê khai cho TCT về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của TCT.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa TCT, công ty con, công ty khác do TCT nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, TCT phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ TCT. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT. Thư ký của HĐQT phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
- Hội đồng quản trị được quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra hoặc tham gia cùng với đoàn kiểm tra, kiểm soát của HĐQT.

- Ban kiểm soát thông qua HĐQT kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất. Ban kiểm soát phải kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.
- Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.
- Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 5 ngày làm việc để thẩm định.
- Ban Kiểm soát thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc Tổng Công ty

- Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Các báo cáo Tổng Giám đốc gửi tới HĐQT thì đồng thời gửi cho Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát, và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.
- Thông báo ngay cho Ban kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP bao gồm VII chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng....năm 2021.

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 30/06/2007 và cập nhật sau lần sửa đổi bổ sung gần nhất theo Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2019 của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp và kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP thông qua các nội dung tại phiên họp thường niên ngày /04/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình đã trình bày tại cuộc họp với các nội dung cụ thể như sau:

- 1.1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty với các chỉ tiêu:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
1	Sản lượng sản xuất				
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	785,0	865,9	110%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	13,0	13,5	104%
1.3	NPK	Nghìn tấn	180,0	114,9	64%
1.4	NH ₃ (để bán)	Nghìn tấn	57,8	73,6	127%
2	Sản lượng kinh doanh				
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	780,0	826,8	106%
2.2	NPK	Nghìn tấn	180,0	94,5	52%
2.3	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	189,0	179,0	95%
2.4	UFC 85	Nghìn tấn	9,0	9,6	107%
2.5	NH ₃ (bán ra thị trường)	Nghìn tấn	55,0	67,8	123%
2.6	CO ₂	Nghìn tấn	50,0	54,3	109%
2.7	Hóa chất	Nghìn tấn	0,8	0,7	84%
3	Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)				
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.237,5	8.037,9	87%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	512,6	847,9	165%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	432,8	701,6	162%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	159,2	287,4	181%
4	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ				
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.589,1	8.127,1	107%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914,0	3.914,0	100%
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.703,1	7.411,4	85%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	491,4	815,2	166%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	420,5	681,5	162%
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	11%	17%	162%
4.7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	141,9	267,6	189%
4.8	Đầu tư				
4.8.1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	106,7	75,0	70%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	66,7	56,1	84%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	40,0	18,8	47%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng			
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	106,7	75,0	70%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	83,2	75,0	90%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	23,5		0%

1.2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu:

a. Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	766.000
1.2	NPK Phú Mỹ	Tấn	150.000
1.3	UFC 85/Fomaldehyde	Tấn	12.500
1.4	NH3 sản xuất bán thương mại	Tấn	63.000
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	770.000
2.2	NPK Phú Mỹ	Tấn	140.000
2.3	UFC 85/Fomaldehyde	Tấn	8.500
2.4	NH3	Tấn	63.000
2.5	Phân bón khác	Tấn	189.000
2.6	CO2	Tấn	50.000
2.7	Hóa chất khác	Tấn	648

b. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.331
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	437
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	365
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	156

c. Kế hoạch Công ty mẹ

c1. Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.584
	Trong đó: Vốn điều lệ/vốn điều lệ bình quân	Tỷ đồng	3.914
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.859
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	419
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	355
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	%	4,55
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ *	%	10
7	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,38
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	140
	- Thuế	Tỷ đồng	140

(*) Kế hoạch chia cổ tức là tạm tính trên cơ sở giá khí giả định cho sản xuất Đạm Phú Mỹ. PVFCCo chỉ được tiến hành chi trả cổ tức năm 2021 khi giá khí/cước phí vận chuyển khí cho sản xuất Đạm Phú Mỹ năm 2021 được cấp thẩm quyền phê duyệt/ chấp thuận.

c2. Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	364,2
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	314,2
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	50
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
II	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	364,2
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	182,6
	- Trong đó tăng vốn điều lệ	Tỷ đồng	-
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	181,6
III	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	364,2
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	182,6
	- Trong đó tăng vốn điều lệ	Tỷ đồng	-
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	181,6

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có những chỉ tiêu cần điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (nếu có) cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong lần họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

- 1.3. Thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất của Tổng công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- 1.4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền
1	Số dư lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		151.281.323.600
2	Lợi nhuận sau thuế 2020		681.535.902.736
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2020	(3=3.1+3.2)	137.651.555.547
3.1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016	85.544.375.000
	<i>Trong đó: - Quỹ KTPL người lao động</i>		84.000.000.000
	<i>- Quỹ thưởng người quản lý</i>		1.544.375.000
3.2	Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động		52.107.180.547
4	Lợi nhuận còn lại năm 2020 sau khi trích lập các quỹ	(4=2-3)	695.165.670.789
5	Chia cổ tức		547.867.964.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)	14%/mệnh giá	1.400
6	Lợi nhuận chuyển sang năm 2021	(6=4-5)	147.297.706.789

Giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện thủ tục chi trả cổ tức 2020 theo phương án nêu trên (phần còn lại sau khi trừ đi cổ tức đã chi tạm ứng 700 đồng/cổ phiếu cho cổ đông).

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chuyển sang		147.297.706.789
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo KH được chấp thuận		355.000.000.000
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2021	(3=3.1+3.2)	72.544.375.000
3.1	Trích quỹ KT-PL người lao động	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016	71.000.000.000
3.2	Trích quỹ thưởng người quản lý		1.544.375.000
3.3	Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động		20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch
4	Lợi nhuận còn lại năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	(4=2-3)	282.455.625.000
5	Tổng lợi nhuận để lại đến năm 2021	(5=1+4)	429.753.331.789
6	Chia cổ tức		391.334.260.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)		1.000
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2022	(7=5-6)	38.419.071.789

Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2021 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 cho phù hợp.

1.5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

1.6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.

1.7. Thông qua báo cáo thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (số tạm tính):

- Báo cáo thực hiện năm 2020: **8.514.000.000** đồng.
- Dự toán năm 2021: **7.751.000.000** đồng (bao gồm 10% dự phòng).

1.8. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Tiến Vinh và ông Tạ Quang Huy.

1.9. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Các Ông/Bà [...] trúng cử thành viên Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ 5 năm (2021-2026)
- Các Ông/Bà [...] trúng cử thành viên Ban kiểm soát với nhiệm kỳ 5 năm (2021-2026)

1.10. Thông qua và ban hành lại Điều lệ Tổng công ty với toàn văn như Dự thảo đã trình Đại hội đồng cổ đông;

1.11. Phê duyệt nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung trình Đại hội đồng cổ đông; Giao cho Hội đồng quản trị ban hành các Quy chế theo nội dung được phê duyệt.

1.12. Phê duyệt nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung trình Đại hội đồng cổ đông; Giao cho Ban kiểm soát ban hành các Quy chế theo nội dung được phê duyệt.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, 27/04/2021.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Thủ trưởng các Ban/Văn phòng và đơn vị trực thuộc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - công ty cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, VPHĐQT (TTV).

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ